

THÔNG TIN TÁC GIẢ

1. Họ và tên: LÊ HUỲNH NGÂN
2. Sinh ngày: 05/05/2002
3. Giới tính: Nữ
4. Dân tộc: Kinh
5. Nghề nghiệp: Học sinh
6. Đơn vị: Trường THPT Long Thành
7. Địa chỉ thường trú: tổ 17, khu Phước Hải, TT. Long Thành,
huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
8. Số điện thoại liên hệ: 0961.599.907
9. Email: Lehuynhnhan.pgvn@gmail.com



ĐỀ THI

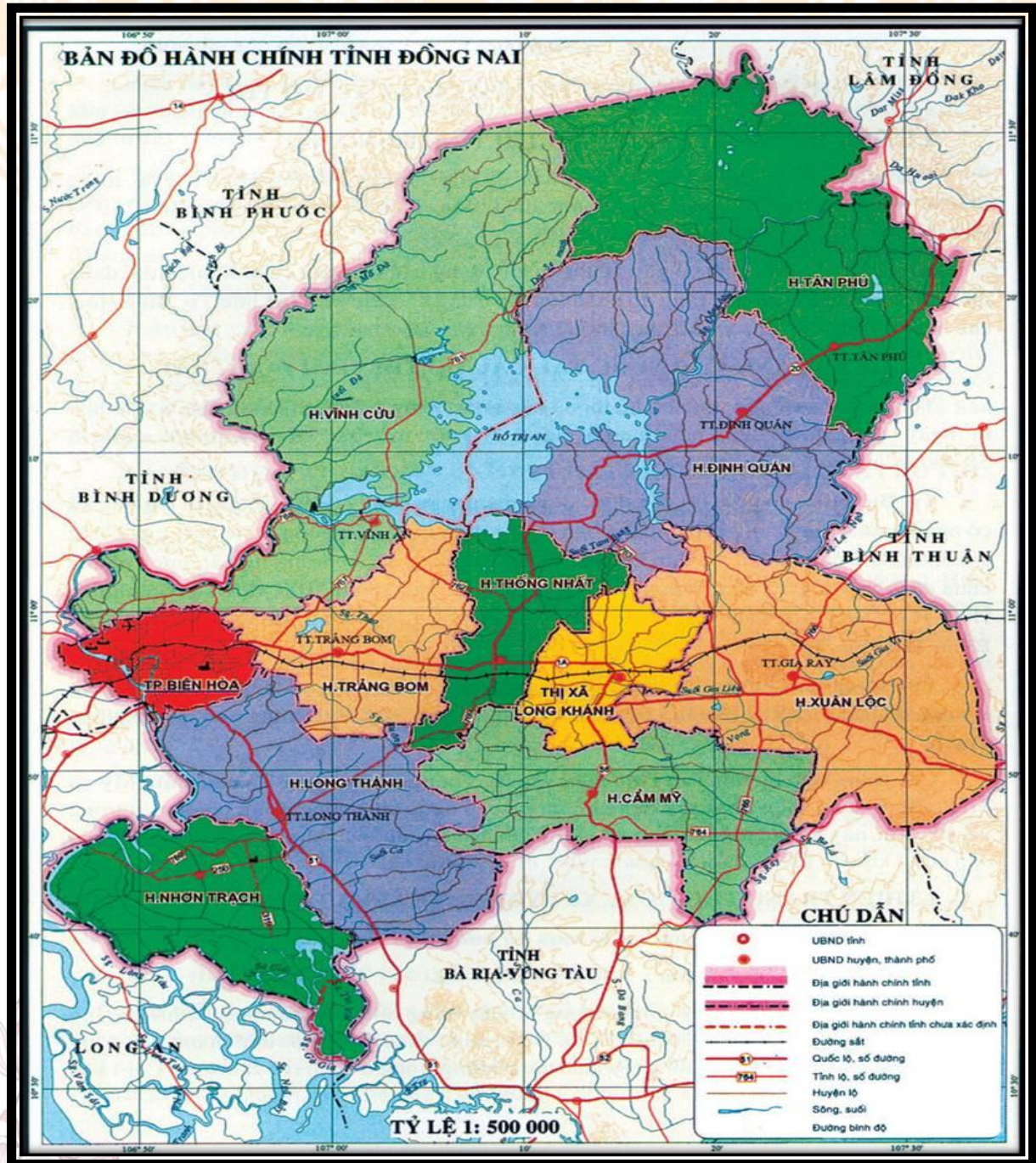
TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HOÁ LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Câu 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

Câu 2: Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), chống Mỹ (1954 – 1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?



Câu 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?



Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai

A. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975; tháng 2 năm 1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú (hai huyện Tân Uyên và Phú Giáo của tỉnh Tân Phú cắt chuyển vào tỉnh Sông Bé). Tỉnh Đồng Nai gồm các đơn vị hành chính trực thuộc: thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải, 1 quần đảo là Trường Sa. Toàn tỉnh có 154 phường, xã, thị trấn.

Lúc bấy giờ, Đồng Nai giáp các tỉnh: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây bắc giáp tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương), phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp Biên Đông (nay giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, quyết định chuyển huyện Duyên Hải của tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện, 1 quần đảo.

Ngày 30 tháng 5 năm 1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách thị xã Vũng Tàu và xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành khỏi địa phận tỉnh Đồng Nai thành lập Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố và 8 huyện, 1 quần đảo, gồm 141 phường, xã, thị trấn.

Ngày 9 tháng 12 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193, thành lập huyện Trường Sa (toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa – thuộc huyện Long Đất). Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố và 9 huyện. Từ tháng 12, huyện Trường Sa được Quốc hội chuyển nhập vào tỉnh Phú Khánh. Tỉnh Đồng Nai còn lại 1 thành phố và 8 huyện.

Ngày 23 tháng 12 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 284, thành lập Thị xã Vĩnh An trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và 2 Lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà của huyện Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, gồm 147 phường, xã, thị trấn.

Ngày 10 tháng 4 năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 107, chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh, Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú, Định Quán.

Ngày 12 tháng 8 năm 1991, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định cắt chuyển 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa – Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, gồm 119 phường, xã, thị trấn.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 51, chia huyện Long Thành thành 2 huyện: Long Thành, Nhơn Trạch. Ngày 29 tháng 8 năm 1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở thị xã Vĩnh An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2003, Nghị định số 97/2003/NĐ - CP ngày 21/8/2003 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thống Nhất trước đây, nâng huyện Long Khánh trở thành Thị xã Long Khánh, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

Ngày 5 tháng 2 năm 2010, theo Nghị quyết số 05/NQ – CP của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Thành để mở rộng địa giới hành chính thành phố Biên Hòa. Theo đó, điều chỉnh toàn bộ 10.899,27 ha diện tích tự nhiên và 92.796 nhân khẩu của các xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước của huyện Long Thành vào thành phố Biên Hòa quản lý. Như vậy sau khi điều chỉnh, thành phố Biên Hòa có 30 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các phường: An Bình, Bửu Hòa, Bình Đa, Bửu Long, Hòa Bình, Hồ Nai, Long Bình, Long Bình

Tân, Quyết Thắng, Quang Vinh, Thanh Bình, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tân Biên, Thống Nhất, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Trảng Dài, Trung Dũng và 07 xã: Hóa An, Hiệp Hòa, Tân Hạnh, An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước.

Năm 2014, thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc được công nhận là 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của cả nước

Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2488/QĐ-TT công nhận Biên Hòa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, thị xã Long Khánh được công nhận là Đô thị loại III trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Nhìn chung, từ sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, tỉnh Đồng Nai nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính với việc cắt chuyển một số địa bàn cho các tỉnh mới, một số địa bàn tách, sát nhập lại. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai gồm 11 đơn vị hành chính như sau: Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu.



Sân bay Long Thành - một biểu tượng mới sắp được hình thành

B. ĐỊA DANH ĐỒNG NAI CÓ TỪ BAO GIỜ?



Biểu tượng tỉnh Đồng Nai ngày nay

Đã từ lâu, tên gọi và địa danh Đồng Nai đã ăn sâu vào trong tâm thức của mỗi người dân Việt. Ta bắt gặp tên gọi Đồng Nai trong những câu ca dao như:

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về
Đồng Nai xứ sở lạ lùng
Dưới sông Sáu lội trên rừng cọp um
Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân cũng trải Đồng Nai cũng từng*

Hay ta cũng bắt gặp tên gọi ấy qua bài thơ Chạy Tây của Nguyễn Đình

Chiều:

Bến Nghé của tiền tan bọt nước

Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây

Danh xưng Đồng Nai bắt đầu từ đâu và có tự bao giờ thật khó mà khảo chứng chính xác được. Và đây là một câu hỏi lớn của rất nhiều nhà nghiên cứu văn hóa và lịch sử. Qua quá trình tìm hiểu, bản thân em xin dẫn chứng một số kết quả nghiên cứu để hiểu hơn về tên gọi này.

Theo Đại Nam nhất thống chí có đề cập: “*Chợ Lộc Dã ở phía nam hạ lưu Phước Long, huyện Phước Chánh, nguyên xưa là cánh đồng hươu nai ở, nên đặt tên ấy, hoặc gọi Lộc động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là chỗ này. Xét sáu tỉnh Gia Định mà thông xưng là Đồng Nai, vì khi đầu khai thác từ chỗ Đồng Nai trước hết, nên cứ chỗ gốc cũng gồm đủ chỗ ngọn*”.

Còn theo tác giả Trịnh Hoài Đức trong tác phẩm khảo cứu Gia Định thành thông chí có viết: “*Bà Rịa ở đầu trấn Biên Hòa, là đất có danh tiếng, nên các phủ phía Bắc có câu ngạn rằng: com Nai Rịa, cá Rí Rang, ấy là lấy xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ vậy*”

Như vậy, theo hai tác phẩm trên, tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc từ một vùng đất có nhiều Nai. Đây cũng là cách lý giải quen thuộc của dân gian và người dân Đồng Nai tự bao đời nay.

Tuy nhiên, theo cách tiếp cận riêng của nhà nghiên cứu Trần Hiếu Thuận, ông đã không đồng thuận với cách lý giải Đồng Nai là cánh đồng có nhiều hươu nai. Ý giải cho việc không đồng thuận trên, theo ông do ven sông Đồng Nai có đôi chỗ được gọi là đồng bằng nhưng đó chỉ là những vùng trũng được phù sa sông bồi đắp thành đồng bằng nhỏ, không phải là đồng ruộng bát ngát hay đồng cỏ mênh mông có nai ăn cỏ được.

Cũng theo nhà nghiên cứu Trần Hiếu Thuận, Đồng Nai bắt nguồn từ tên gọi của dòng sông Đả Đờng của người Mạ - một trong những dân tộc lâu đời và quan trọng gắn liền với sự hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Cụ thể, người Mạ đã gọi sông Đồng Nai là Đả Đờng. Đả là nơi xuất phát của dòng nước, Đờng là sông. Và cách đây khoảng 300 năm, qua sự

chuyển dịch ngôn ngữ, từ Đạ Đờng được chuyển thành Đờng Nai: từ Đờng chuyển âm thành Đờng, còn từ Đạ bỏ mất thêm chữ Nai. Và từ đó địa danh Đờng Nai ra đời.

Tác giả Sakaya trong công trình *Văn hóa Chăm - nghiên cứu và phê bình* đưa ra ý kiến sông Đờng Nai như một ranh giới tự nhiên giữa vương quốc Chăm-pa và Phù Nam. Địa danh Đờng Nai được nhắc đến với một số dữ liệu “*Truyện cổ còn ghi lại vua Po Romé (trị vì từ năm 1627 đến 1651) là cư dân của làng Buyl ở Đờng Nai, nghĩa là một vùng núi mà có nhiều sắc dân không phải là người Chăm sinh sống*”,... Đờng Nai là địa danh khá quen thuộc trong lịch sử Chăm-pa... hoặc “Địa danh Đờng Nai trong địa lý Chăm-pa được gọi là vùng Ndong Nai. Đây là “xứ sở thần linh” mà người Chăm gọi là “*vùng đất thánh*”. Như vậy, theo tác giả Sakaya, tên gọi Đờng Nai là tên gọi của một nước cổ đại xưa.

Công trình *Địa chí Đờng Nai* đề cập nguồn gốc của địa danh Đờng Nai, đã lược kết những nguồn tư liệu, giả thuyết, lý giải của nhiều nhà nghiên cứu. Dẫn theo *Lược sử Công giáo Nam bộ (từ thế kỷ 16 đến 18)* của Trương Bá Cần, trong đó tư liệu viết năm 1701 và 1710 cho biết vùng Dou - Nai (Đờng Nai) ở giữa Cao Miên và Chiêm Thành là một vùng đồng bằng, đất tốt, khá rộng và dài, rừng rậm, cây to, nơi mà người Đàng Trong đến lập nghiệp từ 35 hay 40 năm nay. Như vậy, từ đầu thế kỷ 18, địa danh Đờng Nai đã được các nhà truyền giáo ghi chép từ tên gọi dân gian đã phổ biến trước đó vài chục năm.

Nhìn chung, có rất nhiều ý kiến cũng như tài liệu liên quan đến nguồn gốc và ý nghĩa của danh xưng Đờng Nai. Cụ thể là tên một quốc gia cổ đại hay tên một con sông theo cách gọi của người Ma,...

Mặc dù có nhiều quan điểm cũng như ý kiến khác nhau về ý nghĩa và nguồn gốc của danh xưng Đờng Nai; tuy nhiên chúng ta có thể khẳng định sức sống của tên gọi này đã ăn sâu vào trong tâm thức của mỗi người dân Việt. Cụ thể ta có thể bắt gặp những khái niệm như văn hóa Đờng Nai, văn minh lưu vực sông Đờng Nai,... Vào thời kỳ Pháp thuộc, tên gọi Đờng Nai được sử dụng khá

nhiều như tỉnh Đồng Nai Thượng (tên gọi này hiện nay là đơn vị hành chính cấp xã của huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng)... Hay tên gọi này cũng xuất hiện trong rất nhiều câu ca dao, tục ngữ, thơ văn của rất nhiều tác giả lớn của dân tộc.

Đồng thời, nếu xét về mặt hành chính, tên gọi Đồng Nai được chính thức trở thành tên gọi đơn vị tỉnh bắt đầu vào năm 1976. Tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú. Kể từ đó cho đến nay, tỉnh Đồng Nai trải qua nhiều lần thay đổi địa giới nhưng tên gọi vẫn giữ nguyên. Có thể nói rằng, danh xưng Đồng Nai trải qua bao thời kỳ lịch sử đã trở thành tên gọi thân quen của bao thế hệ con dân xứ sở này khi nhắc về một vùng đất ở miền Đông Nam Bộ, về dòng sông dài nhất nước phát tích từ nội địa hay về một Hào khí Đồng Nai oai hùng, vẻ vang đã đi vào trong lịch sử của dân tộc.

Câu 2: Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), chống Mỹ (1954 – 1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

**NHỮNG CHIẾN CÔNG VANG DỘI
CỦA QUÂN VÀ DÂN VÙNG ĐẤT BIÊN HOÀ – ĐỒNG NAI
TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)
VÀ CHỐNG MỸ (1954 – 1975)**

TRẬN TẬP KÍCH ĐẦU TIÊN VÀO TỈNH LÝ BIÊN HÒA

(2 – 1 – 1946)

1. Bối cảnh lịch sử

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công là một mốc son chói lọi trong lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một kỷ nguyên mới đã mở ra cho nhân dân ta, đó là kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Toàn thế giới đã chứng kiến sự ra đời của một nhà nước mới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân dân Việt Nam đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình để xây dựng cuộc sống mới.

Tuy nhiên, ngay từ khi mới ra đời, nhà nước non trẻ của ta phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức. Hậu quả của nạn đói năm 1945 vẫn chưa được khắc phục; thiên tai, hạn hán diễn ra khắp nơi. Do thực hiện chính sách ngu dân, hơn 90% dân số nước ta không biết chữ, tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, nghiện hút,... diễn ra khắp nơi. Thêm vào đó là ngân sách nhà nước hoàn toàn trống rỗng. Về đối ngoại, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng giới thạch và các đảng phái tay sai mượn danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật ở ạc kéo vào nước ta. Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, cũng với danh nghĩa đó, quân Anh đổ vào Sài Gòn giải giáp quân Nhật và tạo điều kiện cho Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

0 giờ ngày 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp gây hấn, nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, Gia Định. Dưới sự lãnh đạo của xứ ủy Nam kỳ, nhân dân Sài Gòn – Gia Định là nhất tề đứng lên anh dũng hi sinh chống giặc, mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp trường kỳ của Nam bộ nói riêng và của cả dân tộc Việt Nam nói chung.

Trước tình hình đó, đại diện Xứ ủy Nam bộ đã triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại nhà hội Bình Phước để bầu Ban chấp hành lâm thời đảng bộ tỉnh cũng như chuẩn bị lực lượng, lập trại huấn luyện du kích, lực lượng vụ trang địa phương,... nhằm chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ với bọn thực dân

xâm lược. Đồng thời, chuyển các cơ quan lãnh đạo về Tân Uyên, thành lập chiến khu Đ – trung tâm kháng chiến của cả miền Đông Nam bộ.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Khi đã xây dựng được một căn cứ vững chắc với địa hình “tiến có thể đánh – lui có thể giữ”, Tư lệnh khu 7 (do đồng chí Nguyễn Bình làm tư lệnh) đã bàn bạc với đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - chỉ huy trưởng bộ đội Biên Hòa và quyết định tập trung một lực lượng lớn tập kích vào thị xã Biên Hòa. Phân đội 4 và phân đội 5 thuộc Vệ quốc đoàn Biên Hòa được lệnh cải trang đột nhập nội ô nghiên cứu, vẽ sơ đồ các địa điểm đóng quân của địch, lên phương án tấn công.



Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ

Theo kế hoạch, đêm 01 rạng sáng ngày 02 – 01 – 1946, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Bình cùng các lực lượng Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Thủ Dầu Một (chi đội 1), Bình Xuyên, Gia Định sẽ phối hợp tấn công bất ngờ vào các mục tiêu: Trạm gác, nhà lao, công sở, đầu cầu của Pháp trong thị xã Biên Hòa.

3. Diễn biến

0 giờ ngày 02 tháng giêng năm 1946, lực lượng ta bí mật luồn vào thành phố an toàn. Quân giặc không hề hay biết. Bộ đội ta đã tiến công vào các trạm gác, công sở, nhà lao, đầu cầu..., làm chủ các đường phố. Tuy ta không diệt được nhiều giặc nhưng tiếng vang của trận đánh bất ngờ và táo bạo này đã nhanh chóng dội về Sài Gòn và các tỉnh miền Tây Nam bộ. Báo và đài Sài Gòn phải thừa nhận: “Đêm 01 rạng 02 tháng giêng, quân kháng chiến Việt Minh đã

đột nhập thị xã Biên Hòa và súng nổ...” Lời thú nhận này, tự nó bác bỏ ý đồ chiến lược của Lơ-cờ-léc: “*sẽ chấm dứt công việc bình định Nam kỳ trong 3 tháng*”.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu cụ thể nào, nhưng Thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ trước một trận đánh vang dội của quân và dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, bọn thực dân tay sai mới vừa ra mặt đều trốn chạy.

Trong không khí phấn khởi đó, ngày 06/01/1946, cử tri tỉnh Biên Hòa đã nô nức tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên. Các địa điểm bỏ phiếu đều được trang trí trang trọng, có cổng chào với cờ đỏ sao vàng với các khẩu hiệu biểu lộ nguyện vọng và quyết tâm của nhân dân: *Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa muôn năm; Bầu người xứng đáng vào Quốc Hội; Quyết giữ độc lập; Không làm nô lệ cho thực dân Pháp...* Các địa điểm bỏ phiếu ở xã, ấp đều có lực lượng du kích, dân quân bảo vệ. Các đồng chí Phạm Văn Búng, Hoàng Minh Châu, Diểu Xiển đã đắc cử Đại biểu Quốc hội đầu tiên của tỉnh Biên Hòa.

4.2. Ý nghĩa

Trận tiến công vào thị xã Biên Hòa đánh dấu một bước trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Đông về mặt lãnh đạo và chỉ huy tập trung, thống nhất. Tiếng súng trận tập kích thị xã đã cổ vũ các thanh niên yêu nước từ các cơ sở cao su, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn đến các tỉnh miền Hậu Giang xa xôi tìm về Tân Uyên gia nhập Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Đồng thời, “*tiếng súng Biên Hòa*” đã đập tan lời tuyên truyền huênh hoang của bọn thực dân là Việt Minh bị tiêu diệt, gây một tiếng vang rất lớn trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của quân và dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai chúng ta.

TRẬN LA NGÀ 1 – 3 – 1948

Trận phục kích tiêu diệt đoàn xe Pháp trên quốc lộ 20 La Ngà - Định Quán của Chi đội 10 và liên quân 17 lực lượng vũ trang miền Đông

1. Bối cảnh lịch sử:

1.1. Địa hình

Trong những năm trường kỳ kháng chiến chống Thực dân Pháp, La Ngà là một địa hình thuận lợi cho những cuộc đánh phục kích. Cụ thể, quãng đường từ cầu La Ngà lên Định Quán dài hơn 10 km, đường quanh co, khúc khuỷu. Men theo sườn núi có nhiều đoạn dốc kéo dài, phía Tây là những dãy đồi núi trùng trùng điệp điệp nối tiếp nhau như những bức tường thành, là nơi thuận lợi cho việc trú ẩn quân. Xa hơn là những cánh rừng bạt ngàn vốn được xem là thượng nguồn sông Đồng Nai, kéo dài đến tận Chiến khu Đ – căn cứ quân sự quan trọng ở miền Đông Nam Bộ lúc bấy giờ của Mặt trận Việt Minh và Quân đội Nhân dân Việt Nam. Bên cạnh đó, cầu La Ngà là cầu bê tông đúc, sông và các phụ lưu vào mùa khô thường ít nước nên rất phù hợp cho ta thực hiện chiến tranh du kích – đánh phục kích.

1.2. Tình hình địch

Sau thất bại nặng nề trong cuộc tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc, thực dân Pháp đành phải chuyển hướng từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “bình định lâu dài” bằng phương thức “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” và “dùng người Việt đánh người Việt”. Theo nhận định của Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi tổng kết chiến dịch Việt Bắc, “sang đầu năm 1948, lợi dụng mùa khô ở Nam bộ, địch sẽ “càn quét” Nam bộ, củng cố chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Đó là mục tiêu trước mắt của địch, chúng định tâm cố gắng, nhanh chóng bình định Nam bộ, để rồi sẽ rút bớt quân ta Bắc, mở chiến dịch vào thu – đông 1948”. Vì thế, ngay từ đầu năm 1948, Pháp liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân, càn quét vào các vùng kháng chiến, đặc biệt là Chiến khu Đ (với nhiều cuộc càn quét lớn với quy mô 1000 đến 2000 quân). Đồng thời, chúng chặn hết cửa ngõ vào Chiến khu Đ nhằm phong tỏa kinh tế, cô lập cơ quan quan trọng của ta ở miền Đông

Nam bộ. Về mặt tâm lý chiến, chúng cho tuyên truyền huênh hoang đã bình định xong Nam bộ, tiêu diệt gần hết bộ đội chủ lực của ta lúc bấy giờ.

1.3. Tình hình ta

Trước tình hình đó, lời kêu gọi “*Thi đua giết giặc lập công*” của chủ tịch Hồ Chí Minh vang dội khắp miền Nam, làm nức lòng quân và dân vùng đất miền Đông gian lao mà anh dũng. Đồng thời, vào thời điểm này, lực lượng vũ trang ta đã phát triển mạnh; các chi đội giải phóng quân, các liên quân lần lượt ra đời đáp ứng nhu cầu của cuộc kháng chiến.

Tại Chiến khu Đ, Chi đội 10 thành lập từ tháng 6-1946 lấy từ các đơn vị vệ quốc đoàn Long Thành - Biên Hoà gồm 3 đại đội: A,B,C có lúc quân số lên đến 1.100 người, hơn 400 tay súng, do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm chi đội trưởng. Ngay khi mới thành lập chi đội 10 đã bẻ gãy nhiều cuộc tấn công của hàng nghìn quân Pháp vào chiến khu Đ, thực hiện nhiều chiến công vang dội làm tiêu hao sinh lực địch và làm kẻ thù nhiều lần kiếp vía.

Liên quân 17 thành lập tháng 2-1947, đây là lực lượng đặc nhiệm lấy từ các chi đội 12, 6 do đồng chí Lâm Quốc Đăng làm chỉ huy trưởng, hoạt động ở Hóc Môn, Bến Cát, Gò Vấp. Quân số khoảng 250 người và đã đẩy mạnh tác chiến trên các chiến trường miền Nam lúc bấy giờ.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Thực hiện chủ trương của khu bộ Khu 7 phải đánh một trận qui mô lớn, giáng một đòn mạnh mẽ vào ý chí xâm lược của Pháp trên chiến trường khu 7, gây khí thế, tạo đà cho phong trào kháng chiến phát triển.

Quán triệt chủ trương của Khu bộ. Vào tháng 1-1947 trong khi đi nghiên cứu địa hình chuẩn bị trận đánh phục kích Đồng Xoài, các đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, tư lệnh phó Khu 7 kiêm chi đội trưởng Chi đội 10 cùng đồng chí Huyện đội trưởng Xuân Lộc qua vùng La Ngà - Định Quán đã hình thành ý định, đánh một trận đánh giao thông tại khu vực này.

Cuối tháng 11, đầu tháng 12 - 1947, công tác trinh sát địa hình, trinh sát địch được chính thức triển khai. Đồng thời, để chuẩn bị cho trận đánh, những

tháng cuối năm 1947, Chi đội 10 đã gấp rút chuẩn bị lương thực, vũ khí, đạn dược, phân công cán bộ, bộ đội về các buôn làng đồng bào dân tộc vận động bà con góp từng lon gạo, trái bắp. Một bộ phận chiến sĩ Chi đội 10 tổ chức đánh bắt cá trên sông La Ngà phơi khô để dự trữ dài ngày.



Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và Chính ủy Phan Trọng Tuệ tại Sở chỉ huy khu 7

Cuối tháng 2 – 1948, mọi công tác chuẩn bị đã hoàn tất. Tin tình báo cho biết: Pháp sẽ tổ chức một

cuộc hội nghị bàn việc thành lập chính phủ Bảo Đại tại Đà Lạt vào đầu tháng 3 - 1948. Ban chỉ huy đội 10 khẩn trương họp hội nghị thông qua kế hoạch chiến đấu cùng với các đơn vị tham gia vào đêm 25 rạng sáng 26 - 2. Liên quân 17 đang huấn luyện tại chiến khu Đ được lệnh vượt sông Bé cùng chi đội 10 chuẩn bị chiến đấu theo mệnh lệnh của khu bộ khu 7.

3. Diễn biến Trận La Ngà

Đêm 26-2-1948, Chi đội 10 cùng liên quân 17 của Quân khu 7 hành quân từ Chiến khu Đ lên Quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28-2, lực lượng đến điểm tập kết, chiếm lĩnh, củng cố và xây dựng trận địa

Đúng như tin tình báo của ta, sáng 1-3-1948, đoàn xe quân sự 70 chiếc của Pháp xuất phát sớm từ Sài Gòn. Vừa qua khỏi Biên Hòa, chúng đã phải dừng lại nhiều lần để dọn dẹp chướng ngại vật do du kích ta bố trí trên đường. Khi đoàn xe đến khu vực La Ngà thì trời đã về chiều. Đến hơn 15 giờ, bộ phận

đi đầu đoàn xe lần lượt đi vào trận địa phục kích ở khu vực cầu La Ngà. Khi chiếc thiết giáp mở đường vừa đến khu vực phục kích A (gần thị trấn Định Quán), 3 quả địa lôi do bộ đội ta cài sẵn đã phát nổ, hất tung chiếc xe thiết giáp cùng hai xe chở lính hộ tống văng lên trời, viên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin tan xác tại chỗ. Mất liên lạc vô tuyến, các xe phía sau của địch vẫn nối đuôi nhau tiến lên và dồn cục tại khu vực trận địa A. Lúc này, các chiến sĩ của ta dùng hỏa lực diệt tiếp chiếc xe chở lính hộ tống thứ ba và đồng loạt xông ra đường đánh giáp chiến với giặc. Bị bất ngờ, quân địch tê liệt hoàn toàn. Tại khu vực B, quân địch rơi vào tình thế chống đỡ lúng túng. Các chiến sĩ ta chủ động tiến công, đốt cháy 28 xe, tiêu diệt 55 tên lính hộ tống. Tại khu vực cầu La Ngà, cuộc chiến đấu diễn ra khá quyết liệt, quân ta phá hủy 16 xe chở lính, vô hiệu hóa 13 xe vận tải và diệt một số tên địch.

Trận đánh kết thúc lúc 15 giờ 57 phút.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Sau hơn 40 phút chiến đấu, ta đã diệt 59 xe địch trong tổng số 69 xe, diệt 2 đại đội Pháp gồm 150 tên, 25 tên sĩ quan chỉ huy, bắt sống 1 trung úy. Trong số sĩ quan bị diệt có: đại tá Desarigné, chỉ huy lữ đoàn lê dương thứ 13, đại tá Paruist, phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở Nam Đông Dương, thiếu tá chỉ huy phân tiểu khu quân sự Hóc Môn, đại úy trưởng phòng xe hơi Jean Cuvre. Lúc 17 giờ, 3 máy bay địch đến chi viện, bắn dữ dội vào trận địa giả ở phía đông đường 20. Cùng lúc lực lượng ta và hơn 200 tù binh địch và hành khách đi theo đoàn xe đã rút về phía đông sông Đồng Nai an toàn.

4.2. Ý nghĩa

Chưa đầy một tháng sau trận phục kích La Ngà, trong cuộc họp quân sự toàn khu 7, Bộ Tư lệnh khu đã đánh giá thắng lợi lớn lao này và nhận định: “đánh trận La Ngà, quân ta đạt yêu cầu đề ra, thắng cả về quân sự và chính trị. Thắng lợi về quân sự là lớn, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn. Bằng những hành động thực tế của mình trong chiến đấu, trong việc chấp hành

đúng dẫn các chính sách dân vận, địch nguy vận của Đảng và Nhà nước, chiến sĩ La Ngà đã làm cho nhân dân tin tưởng, quý mến, kẻ địch khiếp sợ và khâm phục”. Cũng chính vì lẽ đó, tại chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định tặng Huân chương Quân công hạng II cho các lực lượng vũ trang tham gia trận đánh và phát động toàn quân học tập theo gương các chiến sĩ La Ngà.



Quân ta làm chủ trận địa La Ngà trong trận tập kích ngày 01/03/1948

Chiến thắng này đã khẳng định khát vọng “*thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*” của nhân dân ta. Làm cho nhân dân thế giới, trong đó có những nhân dân tiến bộ Pháp hiểu được cuộc chiến tranh chính nghĩa của Đảng và dân tộc ta. Đồng thời ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Đối với lực lượng vũ trang nói chung, khu 7 nói riêng đánh dấu một bước phát triển mới về tổ chức chỉ huy, về chiến thuật sử dụng lực lượng, bố trí trận đánh và cách đánh.

TRẬN ĐÁNH THÁP CANH CẦU BÀ KIÊN (19/03/1948)

Mở đầu cho lối đánh đặc công

1. Bối cảnh lịch sử:

Từ tháng 4/1947, tướng De Latour là tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam bộ thực hiện chiến thuật xây dựng các đồn bót dày đặc theo các trục lộ giao thông ở miền Đông và Sài Gòn - Chợ Lớn để bảo vệ giao thông và vùng kinh tế quan trọng, cắt đứt giao thông liên lạc đường bộ của lực lượng kháng chiến. Đồng thời, chúng cũng sử dụng tháp canh làm phương tiện lấn chiếm, kiểm soát vùng du kích và căn cứ của ta. Ở miền Đông, địch thiết lập khoảng 653 tháp canh, đồn bót và ở Sài Gòn - Chợ Lớn địch cũng xây dựng khoảng 516 cơ sở như vậy.

Là phương tiện bố phòng nên quân Pháp cho xây dựng các tháp canh kiên cố. Tháp có hình vuông, mỗi cạnh từ 4 - 5m, tường dày từ 0,5 - 0,8m, cao từ 8 - 10m, được xây bằng đá hoặc gạch nung. Xung quanh tháp canh được bao bọc bởi lũy đất dày, có nhiều lỗ châu mai, hàng rào kẽm gai và chông mìn dày đặc... Mỗi tháp canh được bố trí cách nhau khoảng 1km để có thể báo hiệu và chi viện cho nhau nếu bị tấn công. Đan xen vào hệ thống tháp canh nhỏ có tháp canh lớn, còn gọi là tháp canh mẹ, cao từ 10 - 12m do một tiểu đội quân Pháp đóng giữ. Tháp canh mẹ được bố trí hỏa lực rất mạnh và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác liên lạc, chỉ huy.

Hệ thống tháp canh của thực dân Pháp ở miền Đông Nam bộ đã gây cho lực lượng kháng chiến của ta rất nhiều khó khăn, đặc biệt là công tác giao liên và tiếp tế lương thực, vũ khí... Lúc bấy giờ, Bộ Chỉ huy khu 7 xác định phải phá hệ thống tháp canh của giặc Pháp, đánh bại chiến thuật De Latour là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của lực lượng vũ trang miền Đông nói chung và Tỉnh đội Biên Hòa nói riêng. Nhưng lúc bấy giờ, vũ khí, trang bị của ta còn quá thô sơ, chưa có loại nào có sức công phá các bờ tường dày của hệ thống tháp canh, nên nhiệm vụ phá tháp canh tưởng chừng như không thể.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Được Ban chỉ huy Huyện đội Tân Uyên giao nhiệm vụ phá tháp canh, phụ trách Đội du kích Tân Uyên, ông Hai Cà (Cố Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Đại tá Trần Công An) trong lòng rất lo lắng. Trờ về hậu cứ, ông đã dành nhiều thời gian nghiên cứu cách đánh. Mục tiêu đầu tiên ông chọn là tháp canh ở đầu cầu Bà Kiên, nằm trên lộ 24 nối liền Biên Hòa - Vĩnh Cửu với Chiến khu Đ. Trong suy nghĩ của Đội trưởng du kích Hai Cà lúc ấy, muốn đánh tháp canh phải giữ bí mật bằng cách bò qua hàng rào kẽm gai, trèo lên tường tháp rồi dùng lựu đạn ném vào bên trong... Với chùng ấy động tác, việc áp dụng thực tế không phải dễ dàng.



Cố Đại tá Trần Công An và Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Với quyết tâm phải đánh thắng trận đầu, mở đường cho phong trào diệt tháp canh của địch về sau, ông Hai Cà cho toàn đội du kích của mình khổ luyện, đặc biệt là những người sẽ trực tiếp tham gia trận đánh. Ông đưa tổ “*đặc nhiệm*” chuẩn bị trận đánh vào sâu trong rừng, dựng một tháp canh giả bằng

kích thước của tháp canh thật rồi tổ chức thực tập trận đánh. Một du kích giả làm lính Pháp trèo lên ngọn “*tháp canh*” cầm đèn pin rọi xung quanh để canh gác tháp. Các du kích còn lại cởi trần, dùng bùn non bôi khắp người hóa trang rồi bí mật bò vào chân tháp dùng thang tre dựng cặp tường tháp để leo lên ném lựu đạn vào bên trong tháp. Tập đến khi người ngồi trên “*tháp canh*” rọi đèn không phát hiện được người bên dưới mới thôi.

Để cho trận đánh chắc thắng, ông Hai Cà còn nhiều lần đi điều nghiên hệ thống bố phòng ở tháp canh cầu Bà Kiên để chỉnh sửa phương án tác chiến và cho đội du kích thực tập cách đánh đến khi thật nhuần nhuyễn. Khi thấy không còn sai sót gì, ông báo cáo cấp trên xin lệnh đánh tháp canh cầu Bà Kiên.

3. Diễn biến

Đêm 18 rạng sáng 19/3/1948, ông Hai Cà chỉ huy một tổ gồm 2 du kích Trần Văn Nguyên và Hồ Văn Lung bí mật xâm nhập trận địa. Phía bên ngoài, ông cử 2 du kích Nguyễn Văn Ai và Trần Văn Hối làm nhiệm vụ canh giới. Nhờ nguy trang tốt và giữ được yếu tố bất ngờ, cả 3 người xâm nhập thành công vào trận địa cùng với chiếc thang dùng để leo tường. Theo sự phân công, du kích Nguyên leo lên tầng tháp trên, du kích Lung leo lên tầng giữa, ông Hai Cà ở tầng dưới vừa đánh vừa chỉ huy, mỗi người thống nhất ném vào mỗi lỗ châu mai 3 quả lựu đạn. Sau khi ném 3 quả lựu đạn, nghi bọn địch chưa chết hết, ông Hai Cà “tặng” chúng thêm một khối thuốc nổ. Sức nổ quá mạnh khiến ông bị thương, nhưng trận đánh đã giành thắng lợi lớn.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên đã giành được thắng lợi lớn. Ta diệt gọn 11 tên địch, thu 8 khẩu súng và 20 quả lựu đạn.

Sau trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên thắng lợi, Tỉnh đội Biên Hòa và Bộ Chỉ huy khu 7 đã nhiệt liệt biểu dương Đội du kích Tân Uyên và cá nhân ông Hai Cà.

4.2. Ý nghĩa

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên với cách đánh bất ngờ, lấy ít đánh nhiều đã khai sinh ra lối đánh đặc công của lực lượng ta và vùng đất Tân Uyên - Chiến khu Đ trở thành nơi khởi phát của cách đánh này. Du kích Tân Uyên về sau thành lập đại đội bộ đội địa phương Nguyễn Văn Nghĩa, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên của cả nước. Sau này, ngày chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên 19/3 được lấy làm ngày truyền thống Bộ đội đặc công. Lời huấn thị nhân ngày thành lập Binh chủng Đặc công 19/3/1967 của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: *Đặc công tức là công tác đặc biệt, là vinh dự đặc biệt, cần phải có cố gắng đặc biệt.* Bác Hồ còn tặng cho Binh chủng Đặc công 4 câu nhân dịp về thăm binh chủng: *Đặc biệt tinh nhuệ. Anh dũng tuyệt vời. Mưu trí táo bạo. Đánh hiểm thắng lớn.*



Bia tưởng niệm Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sử dụng lối đánh đặc công tấn công các đồn

bót, kho tàng, căn cứ quân sự hiểm yếu của địch. Bằng lối đánh bất ngờ, lấy ít đánh nhiều, lực lượng đặc công đã làm nên những chiến công vang dội, tiêu diệt và làm tiêu hao nhiều sinh lực địch. Người có công đầu trong việc xây dựng, hình thành lối đánh đặc công là cố Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại tá Trần Công An - đồng chí Hai Cà.

Đặc biệt trong lịch sử đấu tranh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của quân và dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, các chiến sĩ đặc công của ta đã dựa vào cách đánh này mà làm nên những chiến thắng vang dội như: chiến thắng Sân bay Biên Hòa và Tổng kho Long Bình (*đã trình bày trong bài dự thi*). Người kế tục cách đánh này là Thiếu tướng, Anh hùng lực lượng vũ trang Nguyễn Thanh Tùng, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai.

Từ cách đánh đặc công trên bộ, chiến trường miền Nam đã hình thành cách đánh đặc công thủy và Đồng Nai có người chiến sĩ Rừng Sác tiên phong là Đại tá Lê Bá Ước, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác với trận đánh kho xăng Nhà Bè vang dội, lấy lừng. Phương châm: *Đặc biệt tinh nhuệ - anh dũng tuyệt vời - mưu trí táo bạo - đánh hiểm thắng lớn* đã và đang được binh chủng phát huy./..

TRẬN ĐÁNH MỸ Ở NHÀ XANH Trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam

1. Bối cảnh lịch sử:

Sau những chiến dịch khủng bố ác liệt của Mỹ - Ngụy, lực lượng cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng. Phong trào bị chìm trong máu và nước mắt. Trước tình hình đó, số cán bộ, đảng viên còn lại và quần chúng cách mạng muốn cầm ngay vũ khí đánh trả quân thù.

Tháng 12 năm 1956, Xứ ủy họp đánh giá tình hình và đề ra chủ trương: *do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong chừng mực nào đó cần có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm... Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ rừng núi, tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan đứng vào hàng ngũ nhân dân, lợi dụng danh nghĩa giáo phái ky khai để diệt ác ôn¹.*

Đầu năm 1957, *Đề cương cách mạng miền Nam* với nội dung nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách đế quốc, phong kiến, thiết lập ở miền Nam một chính quyền liên hiệp có tính chất dân tộc, dân chủ để cùng với miền Bắc thực hiện một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ nhân dân và nghị quyết của Xứ ủy được Liên tỉnh ủy miền Đông triển khai cho cán bộ chủ chốt của Biên Hòa.

Lo sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi ở miền Nam, cay cú trước những thất bại về quân sự, chính trị, ngoại giao, ngày 1 tháng 12 năm 1958, Mỹ - Diệm đã man đầu độc giết hại hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Bình Dương). Cả nước căm phẫn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo ngay cuộc đấu tranh

¹ Trích Nghị quyết Xứ ủy Nam bộ tháng 12 - 1956

chính trị với quy mô lớn trong toàn tỉnh. Bất chấp sự ngăn cấm khủng bố của địch, hàng ngàn đồng bào ở các huyện thị ở Biên Hòa, Long Khánh kéo về Sài Gòn, các thị xã, thị trấn biểu tình vạch trần bộ mặt phát xít tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm.



Di tích lịch sử Nhà Xanh ngày nay

Tháng 5 năm 1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 *lê máy chém đi khắp miền Nam* gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Thế nhưng, Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là bè lũ cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy cưa BIF thị xã Biên Hòa. Văn phòng nhà máy cưa BIF trở thành cư xá

chuyên gia Mỹ trong phái đoàn MAAG (*Mission Army American Group: phái đoàn cố vấn quân sự của Mỹ; Trụ sở chính của MAAG đặt tại Sài Gòn, ngoài ra, hai trụ sở khác đặt tại Đà Nẵng và Biên Hòa phụ trách chỉ huy huấn luyện quân nguy ở miền Trung và miền Đông Nam bộ*) đang làm nhiệm vụ cố vấn huấn luyện cho sư đoàn 7 nguy ở Biên Hòa.

Liên tỉnh ủy quyết định chọn một số điểm ở Biên Hòa để điều nghiên đánh Mỹ. Đánh Mỹ ở Biên Hòa thắng lợi sẽ có tác động lớn vì sau Sài Gòn, đây là hậu cứ, là trung tâm đầu não của bọn Mỹ - nguy ở miền Đông, nơi được mệnh danh là “*sân sau của Sài Gòn*”. Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng.

Đầu tháng 2 năm 1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250 nguyên là thị ủy viên thị xã Biên Hòa nghiên cứu tình hình. Cuối tháng 6 năm 1959, Liên tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa và ấn định vào 19 giờ ngày 7 tháng 7 năm 1959 nổ súng.

Chiều tối ngày 5 tháng 7 năm 1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội vũ trang gồm 6 đồng chí nhận lệnh xuất phát. Khuya ngày 5 tháng 7, đơn vị đã về gò Cây Trâm Muối rừng Tân Phong – Khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa. Tại đây các đảng viên mật của chi bộ sở cao su Bàu Hang đã lo sẵn điểm trú quân, chuẩn bị cơm nước phục vụ anh em. Ngày 6 tháng 7, đồng chí Ba Lễ vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi về tình hình và kế hoạch tác chiến.

Đêm 6 tháng 7, đội vũ trang tiếp tục bí mật hành quân về rừng chòi Gò Me ém quân trong căn hầm bí mật phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân) - một cơ sở cách mạng của Thị ủy Biên Hòa.

3. Diễn biến

Ngày 7 tháng 7 khoảng 19 giờ, nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu. Tín hiệu của cơ sở cho thấy mọi bí mật vẫn hoàn toàn đảm bảo. Bên trong cư

xá, sáu cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim “*Cái áo rách*” do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ngay ở trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đổi phiên gác. Đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật, nguyên là thợ sửa chữa điện ở tiệm Minh Tuyền (chợ Biên Hòa) kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và dãy nhà lính, làm nhiệm vụ kìm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối cổng phụ tiến vào áp sát cư xá. Hai đồng chí bí mật nấp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nổ đạn. Hai chiến sĩ khác ém sát sau tấm rèm che cửa phòng ăn. Riêng đồng chí Huệ và đồng chí Sắc mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống bếp) lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim. Đưa mìn vào đặt sẵn bên trong. Nhưng ngay lúc đó, đèn trong phòng bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã hết, trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa phát lệnh nổ súng ngay. Máy loạt tiểu liên từ phía hai cửa sổ bắn chéo vào phòng. Thiếu tá B.Buis và trung sĩ C. Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn hốt hoảng lao xuống. Một lính Mỹ nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho bọn Mỹ kịp phản ứng, nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huệ dũng cảm chấp nhận hy sinh. Anh hô to: “chấm điện”. Đồng chí Sắc ở phía sau chập mạnh hai đầu dây vào khối pin. Một quãng lửa chớp sáng lòa kèm theo một tiếng nổ mạnh làm rung chuyển mạnh cả một khu vực cư xá. Hệ thống đèn phụt tắt. Đồng chí Nguyễn Văn Huệ anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông thẳng vào nhà quét vôi loạt đạn và nhanh chóng dìu đồng chí Sắc rút ra ngoài.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án, 5 đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, sân banh, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự

vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục.

Một tiếng đồng hồ sau trận đánh, bọn địch các nơi mới đến được khu cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát Sài Gòn cũng cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng. Suốt đêm lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại.

Như vậy, sau mấy tháng trời âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là đơn vị đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích địch vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) hoàn thành thắng lợi.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Trận đánh diễn ra chớp nhoáng, tất cả các đơn vị địch không kịp trở tay, kể cả bọn lính bảo vệ ở sát Nhà Xanh. Trong trận này, ta diệt tại chỗ 2 tên cố vấn Mỹ, làm bị thương hơn chục tên khác. Đây là những tên giặc Mỹ chết trận đầu tiên ở Việt Nam.

4.2. Ý nghĩa

Trận đánh Nhà Xanh đã gây tiếng vang trong và ngoài nước. Sau trận đánh, chính quyền Sài Gòn tung lực lượng cảnh sát, mật vụ vào cuộc nhưng vẫn không điều tra được gì. Di tích Nhà Xanh là nơi ghi dấu ấn đậm nét sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Đây còn là di tích thể hiện tinh thần, ý chí cách mạng táo bạo, quả cảm của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (tháng 12 năm 1956)

1. Bối cảnh lịch sử

Đầu năm 1956, Chính quyền Ngô Đình Diệm và Đế quốc Mỹ tập trung lực lượng đánh phá cách mạng, đẩy mạnh các chiến dịch “*tố cộng - diệt cộng*” trên toàn miền Nam. Chúng đánh vào nhân dân mà đối tượng chủ yếu trước mắt là cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ và những gia đình cơ sở cách mạng. Chúng hy vọng dùng bạo lực bắt nhân dân phát hiện, tố cáo cán bộ, đảng viên. Mỹ - Diệm mở đầu chính sách “*tố cộng - diệt cộng*” bằng nhiều hình thức: chúng tuyên truyền xuyên tạc lịch sử, phủ định công lao của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và thanh lọc chia dân để kiểm soát.

Ngày 17 tháng 6 năm 1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá khốc liệt nhằm đàn áp phong trào và tiêu diệt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng. Chúng dùng lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an dân vệ, công an cảnh sát chà đi xát lại hầu hết các xã ấp ở Biên Hòa, tập trung là các đồn điền cao su, các vùng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành... Nhiều cán bộ, đảng viên của tỉnh Biên Hòa sa vào tay giặc. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ sở khắp các huyện thị ở Biên Hòa bị bắt bớ, tù đày.

Nhà lao Tân Hiệp còn có tên gọi là “*Trung tâm cải huấn*” Biên Hòa, là 1 trong 6 nhà tù lớn nhất miền Nam và là nhà tù lớn nhất Đông Nam Bộ, nơi giam giữ những chiến sĩ cách mạng, đồng bào yêu nước trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Tiền thân của Nhà lao Tân Hiệp là Trại tù binh chiến tranh do thực dân Pháp xây dựng nhằm đàn áp phong trào cách mạng. Đến giữa năm 1955, trại tù binh chiến tranh Tân Hiệp được Mỹ - Ngụy cải tạo mở rộng thành một trong những nhà tù lớn ở miền Nam Việt Nam. Nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa) được xây dựng trên khu đất diện tích 3.600 mét vuông, tiếp giáp những căn cứ quân sự, cơ quan chỉ huy đầu não của địch như: Bộ Tư lệnh quân đoàn III, sân bay chiến lược Biên Hòa, Nha Cảnh sát đặc biệt miền Đông... nhà tù có 07 trại giam gọi tên chữ cái A, B, C, D, E, G và trại giam phụ nữ. Trong đó, có các trại

E, D, G và trại ngoại là nơi giam các chiến sĩ cách mạng đảng viên và đồng bào yêu nước nên bị bọn chúng quản lý và đối xử hà khắc hơn các trại khác. Nhà tù được bao bọc bởi hàng rào kẽm gai, cổng bằng gỗ dày (ngang 4 mét, cao 2 mét), xung quang có 09 tháp canh. Lực lượng bảo vệ ở đây gồm 01 đại đội bảo an gồm có 88 tên.

Đến trước ngày 02/12/1956, Nhà lao Tân Hiệp có 1.872 người bị giam giữ. Phần lớn trong số này là những người yêu nước và các chiến sĩ cộng sản bị bọn chúng bắt qua các trận càn quét lớn nhỏ từ miền Đông đến miền Tây Nam bộ, đưa về đây để chúng tra tấn, điều tra, phân loại trước khi đưa qua các nhà tù khác ở đất liền hoặc bị đày ra Côn Đảo, Phú Quốc,... nhiều tù nhân là những trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả, nhà văn - nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mại, Phạm Thị Lạng,...



Những chiến sĩ hi sinh tại nhà lao Tân Hiệp do bị tra tấn

Để làm lung lay ý chí của những người yêu nước, hàng ngày bọn địch buộc các tù nhân phải làm lễ chào cờ vàng, ba sọc đỏ (vào buổi sáng) và lễ hạ cờ (vào buổi chiều). Bọn địch còn tổ chức các lớp “*tố cộng*” tuyên truyền nói xấu cộng sản, ca ngợi “*chính nghĩa quốc gia*” của chính quyền bù nhìn miền

Nam Việt Nam. Chúng còn đánh đập, tra tấn các chiến sĩ ta nhằm khai thác những cơ sở bí mật của Đảng. Trước những cực hình tra tấn và đánh đập dã man để khai thác các chứng cứ nhằm truy lùng, bắt bớ tất cả số cán bộ và cơ sở cách mạng còn lại, nhiều đồng chí ta đã chết đi sống lại, thậm chí có người bị mang thương tật suốt đời nhưng vẫn một lòng vì Đảng, vì dân không hề khai báo với chúng điều gì làm phương hại đến phong trào cách mạng. Bên cạnh những hành động vô nhân đạo, mất tính người của chúng nhất là lúc tra tấn, đày đọa các tù nhân phụ nữ, chúng còn dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, hứa hẹn nhiều điều rất có lợi nếu chịu khai báo cam tâm làm tay sai cho chúng sẽ được đối xử tử tế, được thân nhân vào thăm nuôi thường xuyên và sẽ được trả “*tự do*” sớm nhất. Thế nhưng, mọi thủ đoạn lừa mị của bọn chúng đều thất bại trước ý chí “*Sống vĩ đại, chết vinh quang*” của các chiến sĩ cách mạng ta trong Nhà lao Tân Hiệp.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm trọng. Không ảo tưởng trong cuộc “*đấu tranh chính trị đơn thuần*” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa) chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.

Với tâm niệm “*Sống vĩ đại, chết vinh quang*”, Đảng ủy Nhà lao Tân Hiệp đã chuẩn bị cho cuộc vượt ngục. Sau một thời gian nghiên cứu và chuẩn bị về mọi mặt, tổ chức đảng trong nhà lao bằng đường liên lạc bí mật xin chỉ thị của Liên tỉnh ủy miền Đông, Ban Binh vận Xứ ủy cho phép tổ chức một cuộc phá khám nhằm mau chóng thoát khỏi nhà tù, tố cáo tội ác của Mỹ - Ngụy cho nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới cũng như nhân dân cả nước được biết và trở về với Đảng, với nhân dân tiếp tục chiến đấu đánh đuổi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Bên cạnh đó, Đảng ủy nhà lao đã thành lập một đội xung kích 60 người, gồm những đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu làm nòng cốt cho

cuộc nổi dậy. Đội xung kích do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ.

Giờ G, phá khám ấn định là chiều ngày chủ nhật 02 tháng 12 năm 1956.

3. Diễn biến

Buổi chiều chủ nhật 02/12/1956, vào lúc 17 giờ 50 phút, bọn địch gõ keng để đổi phiên gác và các tù nhân chuẩn bị vào trại. Đây là lúc sơ hở vì 18 giờ mới đổi phiên, nên bọn lính bảo an nhận ca gác thường lơ là khi hết giờ canh gác. Tất cả các đồng chí của ta được phân công đã sẵn sàng đợi lệnh; đồng chí Nguyễn Văn Chuộng (Sáu Chuộng), một đảng viên được Đảng ủy cử làm tổng đại diện Nhà lao Tân Hiệp cởi áo trắng phát ra ám hiệu. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Đội xung kích lập tức triển khai khống chế Giám đốc trại giam, bọn giám thị, cắt đứt điện thoại, xung phong cướp kho súng và mở cổng. Khi cánh cổng nhà giam bị phá, thì



Mô hình thể hiện cuộc vượt ngục lịch sử

đoàn người từ các trại chạy ào ra cổng đông như nước vỡ bờ, xô ngã cánh cửa nhà lao, vượt qua sân bóng, suối Đồng Tràm, chạy qua các ngã đường tỏa về các hướng nhằm tránh tai mắt của kẻ thù.

Trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn lính địch trong nhà tù bị ta tấn công bất ngờ, vô cùng hoảng hốt, bọn chúng chỉ lo bảo tồn tính mạng nên chưa có hành động chống trả. Hơn 15 phút sau, bọn lính địch mới kịp trấn tĩnh, vội vàng nổ súng truy đuổi. Địch ở một số lô cốt đã dùng súng trung liên bắn xối xả ra hướng cổng trại và các chiến sỹ bị địch bắt tù đầy đang chạy khiến nhiều người bị thương và 22 người hy sinh; trong đó có một số chiến sỹ như: Phan Văn Rô, nhà báo Dương Tử Giang.

Cuộc nổi dậy phá khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp diễn ra trong vòng 40 phút. Nhiều cánh tù vượt ngục khác tìm cách thoát đi nhiều hướng tránh sự truy đuổi của địch nhiều ngày sau đó. Tổng cộng đã có 462 tù nhân trong tổng số 1.872 người bị giam giữ tại Nhà lao Tân Hiệp đã chạy thoát, ta lấy được 41 khẩu súng các loại, trong đó có 02 khẩu trung liên.

4.2. Ý nghĩa

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 02/12/1956 là đỉnh cao của quá trình đấu tranh bất khuất của những người cộng sản và đồng bào Việt Nam yêu nước, thể hiện rõ chân lý: *“Kẻ địch càng khùng bố, phát xít, tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân càng cao”*. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ở Biên Hòa đã vạch trần bản chất xâm lược tay sai của chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam trước dư luận trong nước và quốc tế.

Cuộc vượt ngục Tân Hiệp là cuộc giải thoát kỳ diệu của những người tù Cộng sản kiên trung bất khuất, mưu trí. Với tay không tác sát, các chiến sỹ cách mạng trong nhà tù đã lập kế hoạch phản công từ trong lòng địch, nổi dậy phá

tan xiềng xích tìm về tự do. Đó là thứ “*Vàng trong lửa*”, là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của nhân cách Việt Nam và của khí tiết Cộng sản. Đây là cuộc nổi dậy ngoạn mục của lực lượng chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày, cuộc vượt ngục tập thể lớn nhất, gan dạ nhất chưa từng có trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta.



Bia tưởng niệm cuộc vượt ngục Tân Hiệp lịch sử năm 1956

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp còn là một tiếng chuông cảnh tỉnh đối với những ai còn mơ hồ về bản chất của chế độ Mỹ - Diệm, có sức cổ vũ rất lớn đối với toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng yêu nước và phong trào cách mạng miền Nam lúc bấy giờ. Thắng lợi này, gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, là thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường của người cộng sản và đồng bào yêu nước trong nhà tù của đế quốc, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa Đảng ủy trong nhà tù với Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam, một cuộc nổi dậy phá nhà lao được tổ chức quy mô, thắng lợi, tịch thu được vũ khí của địch. Tuy chưa giải thoát được hết các chiến sỹ cách mạng bị giam tại nhà lao nhưng

Cuộc phá khám đã giải thoát được 462 cán bộ, đảng viên trở về hoạt động cách mạng, thu được của địch 41 súng các loại - là nguồn bổ sung người, vũ khí quan trọng, vô cùng quý báu đối với lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và phong trào cách mạng ở miền Đông Nam bộ nói riêng trong những ngày đầu chuẩn bị cho phong trào khởi nghĩa vũ trang tiến lên “Đồng Khởi” ở miền Nam. Sự kiện như một chất xúc tác đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển nhanh hơn, cao hơn, tự thân nó thể hiện sự thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của những người cộng sản và đồng bào yêu nước.

TRẬN ĐÁNH VÀO SÂN BAY BIÊN HÒA NĂM 1964

1. Bối cảnh lịch sử

Tháng 3 năm 1964, đế quốc Mỹ đề ra kế hoạch Giônxon - Mắc Namara, nhằm bình định miền Nam trong vòng 2 năm (1964-1965). Chúng lập ra bộ chỉ huy liên hợp Việt-Mỹ, tăng thêm 6.000 cố vấn và lính chiến đấu Mỹ, đưa số quân Mỹ ở miền Nam lên 2 vạn tên vào cuối năm 1964.

Tháng 8 năm 1964, Quốc hội Mỹ thông qua Nghị quyết Đông Nam Á (hay còn gọi là Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ, mã số H.J.Res.1145, Công pháp 88-408) cho phép Tổng thống Mỹ điều động quân đội tham chiến tại miền Nam Việt Nam.

Trước đó, Mỹ đã cung cấp một lượng vũ khí, khí tài khổng lồ cho quân đội Sài Gòn. Tại TX.Biên Hòa lúc bấy giờ có Sân bay quân sự Biên Hòa là một trong những yếu điểm của quân đội Sài Gòn phải bảo vệ. Tại đây, máy bay các loại có thể xuất kích tấn công bất cứ khi nào có lệnh.

Tháng 9 năm 1964, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đẩy mạnh tiến công và nổi dậy: tiến lên giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ngày 11-10-1964, Quân ủy Trung ương ra chỉ thị: mở đợt hoạt động mùa khô 1964-1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực ngụy, kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy thêm sự tan rã của các lực lượng vũ trang địch, phá sạch ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành thêm nhiều nhân tài vật lực, mở rộng vùng giải phóng của ta, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, làm tăng thêm sự khủng hoảng chính trị và mâu thuẫn nội bộ địch. Trong lúc này, tại chiến trường, Bộ chỉ huy quân sự Miền vừa triển khai công tác nghiên cứu chuẩn bị mở chiến dịch đầu tiên nhằm tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực ngụy, vừa chỉ đạo trận đánh sân bay Biên Hòa. Sân bay Biên Hòa, một trong những sân bay quân sự lớn nhất ở miền Nam, cách Sài Gòn 30

km về phía Đông Bắc, có diện tích 40 km² với hai đường băng dài 3.600 mét và 1.000 mét; bên trong chia thành 6 khu vực rộng, từ 170 đến 190 máy bay cùng đậu. Lực lượng địch thường xuyên có 2.500 tên, gồm bốn lái máy bay, nhân viên kỹ thuật, binh lính Mỹ ngự đồn trú bảo vệ sân bay, đại đội pháo binh, đại đội xe tăng, 1 đến 2 tiểu đoàn lính dù và thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn quân khuyển gồm 100 con. Sân bay được trang bị hệ thống rada, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân có thể đảm bảo cùng một lúc hai máy bay cất cánh và hạ cánh bất cứ ngày đêm và thời tiết nào. Hệ thống phòng thủ sân bay rất kiên cố bao gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1 km có gai mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bót gác xung quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng một hệ thống đèn pha cực mạnh. Cạnh sân bay về phía Đông Nam là Sở chỉ huy Quân đoàn 3 ngụy. Vòng ngoài sân bay có hơn 1.000 quân Mỹ và tiểu đoàn bảo an ngụy thường xuyên tuần tra canh gác. Từ căn cứ này, chúng đã gây biết bao tội ác đối với đồng bào ta. Cụ thể như ngày 27-9-1964, địch ném bom ở ngã ba sông Ông Kèo xã Phú Hữu, Nhơn Trạch, Biên Hòa giết hại hơn 500 đồng bào ta.

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Bứa (Hai Hồng Lâm) tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh.

Sau khi kiểm tra lần cuối phương án trận đánh, kế hoạch tác chiến được thông qua, chiều 31-10-1964, từ căn cứ Chiến khu Đ, các lực lượng gồm: Đoàn 75 pháo binh Biên Hòa, bộ đội đặc công, bộ đội chủ lực của Miền và Quân khu, bộ đội địa phương của 2 huyện Tân Uyên, Vĩnh Cửu, đội vũ trang thị xã Biên Hòa, với vũ khí trang bị chỉ có 9 khẩu súng cối 81 ly, 2 khẩu ĐKZ 75 ly và một số cơ sở đạn pháo, đã bí mật hành quân đến hóc Bà Thúc (Tân Phong) đặt trận địa pháo, cách sân bay Biên Hòa khoảng 1km về phía Đông Bắc. Lúc này, mọi công tác chuẩn bị để giành hiệu suất cao cho trận đánh được các chiến sĩ thực hiện khá khẩn trương. Các mục tiêu quan trọng trong sân bay, như: bãi đậu máy

bay, kho xăng dầu, vũ khí, trại lính... đã được đưa vào tầm ngắm của các loại pháo, cối của ta.

3. Diễn biến

23 giờ 30 ngày 31-10-1964, lệnh tiến công vào sân bay Biên Hòa đã được chỉ huy trận đánh ban ra. Ngay lập tức, pháo ta đồng loạt gầm lên, bắn tấp nập vào các mục tiêu trong sân bay. Các quả đạn được rớt chính xác vào từng mục tiêu khiến cho sân bay Biên Hòa chìm trong biển lửa, cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận như rung lên vì những tiếng nổ long trời, lở đất.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Chỉ trong vòng 15 phút tấn công với 130 quả đạn pháo, cối được bắn chính xác vào các mục tiêu, quân ta đã phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57 (loại máy bay tối tân nhất của Mỹ lúc bấy giờ mới được đưa từ Philippine sang để chuẩn bị đi gây tội ác ở miền Bắc), 11 máy bay AD6, một máy bay do thám U2; diệt và làm bị thương 293 tên địch (hầu hết là giặc lái và nhân viên kỹ thuật Mỹ); tiêu hủy và làm nổ tung 2 kho bom đạn lớn, 1 kho xăng, một đài quan sát và 18 trại lính.



Cảnh tan hoang của sân bay Biên Hoà sau cuộc pháo kích



Nhân viên sân bay Biên Hòa đang dọn dẹp hậu quả sau cuộc tấn công

Sáng 1 tháng 11 năm 1964, Tay – lơ đại sứ Mỹ từ Sài Gòn tức tốc đến sân bay Biên Hòa, thốt lên: *“Rõ ràng Việt Cộng làm một việc chưa hề có...”* và *“Tôi không muốn nhìn thấy cảnh tượng này nữa”*. Báo Thế giới Tây Đức nhận xét rằng: *“Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”*.

Trong hồi ký của Thượng Tướng Trần Văn Trà cũng đã nêu lên sự kiện về trận bão lửa vào sân bay Biên Hòa với phần nhận xét : ... *Trận đánh lớn đầu tiên vào sân bay Biên Hòa làm cho Mỹ điên đầu, đây là trận đánh của binh chủng pháo binh có kết hợp với đặc công vào cuối tháng 10/1964. Hàng trăm quả đạn cối pháo đã rớt vào sân bay Biên Hòa dồn dập, hết sức chính xác, phá hủy hàng chục máy bay, đặc biệt là loại máy bay B.57 mới từ Mỹ đưa sang, đốt cháy kho tàng, diệt nhiều tên giặc Mỹ. TAYLOR, Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn lúc ấy đã phải tức tốc đến sân bay Biên Hòa, đứng nhìn 1 cách ngao ngán đồng xác của bầy " chim sắt hiện đại " chưa kịp dùng ở Việt Nam đã nằm phơi sương tại căn cứ.*



Tượng đài chiến thắng Sân bay Biên Hoà

4.2. Ý nghĩa

Trận đánh vào sân bay Biên Hòa vào đêm 31-10-1964 được xem là một trận đánh táo bạo, bất ngờ, đạt hiệu suất chiến đấu cao; được xem là trận “*trận châu cẳng*” thứ hai trong lịch sử thế giới thời hiện đại. Đây cũng là trận đánh

đầu tiên của các lượng vũ trang miền Nam vào một sân bay chiến lược của Mỹ kể từ lúc Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến tại Việt Nam. Sau trận đánh, lực lượng pháo binh Miền đã được tặng thưởng huân chương Quân công hạng nhất, loại huân chương cao nhất mà lần đầu tiên Đảng, Nhà nước tặng thưởng cho quân giải phóng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bác Hồ kính yêu cũng đã làm bài thơ ca ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa:

*"Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng chiến thắng lay lâu trắng
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu".*

TRẬN ĐÁNH TỔNG KHO LONG BÌNH (28/10/1966)

Trận đánh chọc thủng dạ dày của quân xâm lược Mỹ

1. Bối cảnh lịch sử:

Đầu năm 1965, trước nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*", Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam nhằm đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" ở miền Nam và mở rộng "*Chiến tranh phá hoại*" miền Bắc.

"*Chiến tranh cục bộ*" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới nằm trong chiến lược quân sự toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của Mỹ. "Chiến tranh cục bộ" bắt đầu từ giữa năm 1965 được tiến hành bằng lực lượng của quân viễn chinh Mỹ, quân "đồng minh"1 và quân ngụy tay sai ở miền Nam, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

Cũng chính vì thế, ngay từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã cho xây dựng ở Biên Hòa nhiều căn cứ quân sự, kho tàng lớn để phục vụ cho bộ máy chiến tranh xâm lược như: Sân bay Biên Hòa, Nha Cảnh sát miền Đông, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Tổng kho hậu cần chiến lược Long Bình...

Trong đó, Tổng kho Long Bình được chính quyền Mỹ - Diệm xây dựng từ giữa năm 1965 với mục đích phục vụ cho cuộc chiến ở Việt Nam nói riêng và khu vực Đông Dương nói chung khi cần thiết.

Tổng kho Long Bình có diện tích khoảng 24 km², nằm cách Sài Gòn về phía đông 20 km, cách thành phố Biên Hoà 7 km. Trong Tổng kho Long Bình có Bộ Tư lệnh Dã chiến II Mỹ, Bộ Tư lệnh Hậu cần của Mỹ; đồng thời là nơi chứa những kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Theo các tài liệu thống kê, lượng đạn dược được chuyển đến Việt Nam trung bình khoảng 40.000 tấn/tháng trong năm 1966; năm 1967, số lượng đã tăng lên gần gấp đôi đạt 75.000 tấn/tháng. Đến đầu năm 1968 số lượng vận

chuyển đã tăng lên đến 90.000 tấn/tháng, đến giữa năm 1968 số lượng đã vượt quá 100.000 tấn/tháng.

Ngoài ra, để phục vụ đầy đủ cho một đội quân nhà nghề "được trang bị tới tận răng" như quân đội Mỹ thì còn nhiều thứ quân trang, quân dụng, phương tiện chiến tranh, như máy bay, xe tăng, pháo cối... cùng với khí tài vật tư dự trữ phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang bị cho đến lương thực thực phẩm, quân trang quân dụng, đồ dùng sinh hoạt... của mỗi người lính còn cao gấp nhiều lần con số đó.

Trong khi đó, theo yêu cầu của Bộ Tư lệnh quân viễn chinh Mỹ tại Nam Việt Nam thì số lượng vật chất dự trữ phải đảm bảo đủ cho quân đội sử dụng ít nhất là 6 tháng. Đây chính là lý do mà Mỹ phải tiến hành xây dựng Tổng kho dự trữ chiến lược tại Long Bình - một địa điểm vừa thuận lợi cho quá trình tiếp nhận hàng hóa, đồng thời cũng có thể nhanh chóng tiếp tế cho cả 4 vùng chiến thuật và Biệt khu Thủ Đô.

Do quy mô lớn và tầm quan trọng như vậy, Tổng kho Long Bình luôn được địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh có từ 7 đến 12 lớp hàng rào kết hợp với việc gài mìn trái. Có nhiều lô cốt tiền duyên cách nhau 30-40 m nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 đến 50 m.

Bên trong có nhiều tuyến hào nối liền các lô cốt, đường đi, lối ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kềm gai. Toàn bộ phần bên trong kho gần như không có cây xanh lớn, chỉ có loại cỏ Mỹ mà lá sắc như dao. Đảm nhiệm công tác bảo vệ kho thường xuyên là 2.000 sĩ quan, binh lính. Ngoài ra, còn một số đơn vị chiến đấu cũng có doanh trại trong khuôn viên kho nhưng được ngăn cách đặc biệt với kho hàng.

Hai khu quan trọng trong Tổng kho là kho đôi 50 và 53 có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu. Trong đó mỗi khu có 6 dãy. Mỗi dãy cách nhau 60 m. Nhà kho được thiết kế, xây dựng theo hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), có cửa bằng thép, khoá sắt; xung quanh có những ụ đất dày 4 đến 5 m. Đây là hai kho chứa vũ khí chủ yếu là bom và đạn pháo và nhiên liệu.

Đề ra vào tổng kho có 12 cổng mở theo nhiều hướng khác nhau với hệ thống đường sá rất hiện đại. Hàng ngày có hàng ngàn chuyến xe trọng tải lớn ra vào song không bao giờ có hiện tượng ùn tắc xảy ra.

Với khối lượng hàng hóa tàng trữ trong kho lên đến hàng chục triệu tấn, Tổng kho Long Bình trở thành kho dự trữ chiến lược lớn nhất ngoài nước Mỹ của quân đội Hoa Kỳ và được quản lý bằng máy tính IBM 360/50 - một trong những hệ thống máy tính hiện đại nhất thời đó.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Năm 1965, Thường vụ Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập tỉnh Biên Hòa U1 và giao nhiệm vụ đánh hậu cứ Sân bay Biên Hòa, Tổng kho liên hợp Long Bình; đồng thời tổ chức đánh bình định nông thôn tạo thế đứng chân cho lực lượng vũ trang đánh vào thành thị, hậu cứ địch.

Trận đánh vào Tổng kho Long Bình ở cao điểm 50-53 được chốt 2, đặc công U1 chuẩn bị điều nghiên khá công phu. Trong điều kiện trang bị của ta lúc ấy còn khá thiếu thốn, nếu đánh bằng cách đặt trái nỏ và rải dây điện từ ngoài vào trong để kích nổ là không thích hợp, vì lúc ấy ở Tổng kho Long Bình đang có 2 lữ đoàn công binh túc trực xây dựng công trình, kho tàng và khá đông lực lượng bảo vệ kho ngày đêm tuần tra, canh gác có mang theo chó becgiê. Trước tình hình đó, muốn vào được bên trong kho, phải vượt qua được hàng rào kẽm gai bùng nhùng 2 lớp. Dưới chân rào có chôn mìn cóc M16E3. Dọc theo hàng rào, cứ 50 mét địch bố trí một bóng đèn cao áp chiếu sáng. Ngoài ra, ở phía bên trong kho, địch còn trang bị ống nhòm hồng ngoại tuyến và dây thu tiếng động. Lực lượng bảo vệ ngoài cùng do quân Mỹ đảm nhiệm, chúng tổ chức thành nhiều phân đội canh gác từ gần đến xa. Với cách bố trí này, địch cho rằng Tổng kho Long Bình là bất khả xâm phạm. Nhưng bằng tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm đánh Mỹ, anh em trong tổ đặc công đã tự mày mò chế tạo vũ khí và chuẩn bị cho trận đánh một cách kỹ càng.

Từ ngày 16 đến 25-10-1966, tổ đặc công tổ chức họp đơn vị, thông qua quyết tâm chiến đấu và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí, từng cụm chiến

đầu. Cấp trên chưa có thuốc nổ phục vụ trận đánh, tổ đặc công đã tổ chức lực lượng đi thu nhặt bom đạn lép của địch về چرا lấy thuốc để tự tạo trái nổ. Đồng thời mày mò, cải tiến chiếc đồng hồ đeo tay thành đồng hồ hẹn giờ để phục vụ trận đánh. Việc cải tiến chiếc đồng hồ hẹn giờ là việc làm hết sức mới lạ đối với anh em. Ai cũng lo lắng vì sợ không thành công. Thế nhưng sau nhiều ngày nghiên cứu, thực tập, thao tác, đặt thuốc nổ dưới lòng suối sâu để thử nghiệm hiệu quả của chiếc đồng hồ hẹn giờ đã được cải tiến, công việc đã diễn ra như ý.

3. Diễn biến



Hình ảnh Tổng kho Long Bình bị đặc công U1 tấn công

Chiều ngày 28-10-1966, đội U1 tổ chức hành quân đến trạm giao liên Y4 (khu vực suối đá) để chuẩn bị đánh trận đầu vào Tổng kho Long Bình, lúc ấy tổ gồm có 6 người: Nguyễn Tấn Vàng, mũi trưởng và là người trực tiếp đặt trái nổ vào mục tiêu; Nguyễn Văn Tư (Tư Già), mũi phó; Bùi Văn Hòa, trinh sát dẫn đường; Trịnh Văn Toàn, Phạm Văn Hóa và Nguyễn Văn Rô là tổ viên, cùng với số vũ khí trang bị là 4 khối thuốc nổ, mỗi khối 10kg, 2 khẩu AK và 6 trái

lựu đạn. Vừa hành quân, vừa bám địch đến đích vào lúc 10 giờ sáng ngày 27-10, cách mục tiêu cao điểm 50 khoảng 2km theo đường chim bay.

16 giờ ngày 28-10-1966, đội U1 tiếp cận mục tiêu khoảng 50m. Đồng chí Bùi Văn Hòa (người có gần nửa năm trời ra, vào Tổng kho Long Bình để trinh sát, điều nghiên, vẽ sơ đồ phục vụ cho trận đánh) đi trước có nhiệm vụ trinh sát, dẫn đường. Đồng chí Hòa đã khéo léo lườn qua các hàng rào, chốt kiểm soát để đưa đơn vị tiếp cận mục tiêu an toàn.

Đến 17 giờ 30 cùng ngày, cả tổ đánh đã đột nhập vào trong kho, triển khai xong đội hình chiến đấu và hồi hộp chờ đợi từng giây phút đi qua. Khi trời vừa sập tối, lợi dụng lúc quân địch thiếu cảnh giác, đồng chí Nguyễn Tấn Vàng (nguyên chốt trưởng chốt 2, đặc công U1, người trực tiếp chỉ huy trận đánh và cũng là người trực tiếp đặt trái nỏ vào kho 50- 53) ra lệnh cho đồng đội hành động. Ôm lấy khối thuốc nổ, đồng chí Hòa đưa, đồng chí Vàng câu nối từng sợi dây điện vào các kíp nổ. Thấy phương án trận đánh diễn ra đúng theo kế hoạch, đồng chí Vàng nhanh chóng thực hiện đánh theo cách “bỏ 2 kho đánh 1 kho”. Khi đặt trái đến kho thứ 2 thì có một chốt lớn của địch ở phía đông, cách tổ đánh khoảng 60m, đã bắn đạn dữ dội, đồng chí Nguyễn Tấn Vàng vẫn bình tĩnh đặt đến trái nỏ thứ 4 và ra lệnh cho đồng đội lườn dưới tầm đạn địch rút ra cửa mở an toàn. Sau gần 3 giờ đồng hồ, vào lúc 20 giờ ngày 28/10/1966 trận đánh đã thành công.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả

Trong trận đánh này đặc công U1 Biên Hòa đã phá hủy khoảng 250 tấn bom, đạn các loại, diệt 250 tên lính Mỹ cùng nhiều kho tàng phương tiện chiến tranh. Trận đánh của đặc công U1 và quân dân Biên Hòa đã giáng một đòn choáng váng vào quân xâm lược Mỹ, sau đó địch phải bỏ dở 3 cuộc càn quét lớn vì đã mất một số vũ khí, đạn phục vụ cho các trận càn.

Ngay sau trận đánh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện khen ngợi tổ đặc công U1 và quân dân Biên Hòa đã quyết tâm đánh Mỹ và giành được thắng lợi.

Cùng đó, trên báo Nhân dân (số ra ngày 29/10/1966) cũng đã có bài viết ca ngợi chiến thắng Long Bình là trận “*chiến táo bạo, tài tình, đánh thủng dạ dày của Mỹ*” đã được đồng bào cả nước đón đọc và hoan hô.

4.2. Ý nghĩa

Trận đánh vào Tổng kho Long Bình thắng lợi đã thể hiện tinh thần chiến đấu quả cảm, anh dũng của tổ đặc công U1 Biên Hòa. Dù trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn thiếu thốn đủ bề, nhưng với lòng yêu nước, gan dạ, giữ vững lập trường, lý tưởng cách mạng tổ đặc công đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, sáng tạo, mưu trí, thực hiện thành công kế hoạch Đảng giao phó, hoàn thành nhiệm vụ của người chiến sĩ cộng sản, đánh thắng kẻ thù, đập tan âm mưu xâm lược, làm cho kẻ thù phải khiếp vía kinh hồn.

TRẦN XUÂN LỘC (9 – 21/04/1975)

Mở cánh cửa thép tiến vào giải phóng Sài Gòn

1. Bối cảnh lịch sử:

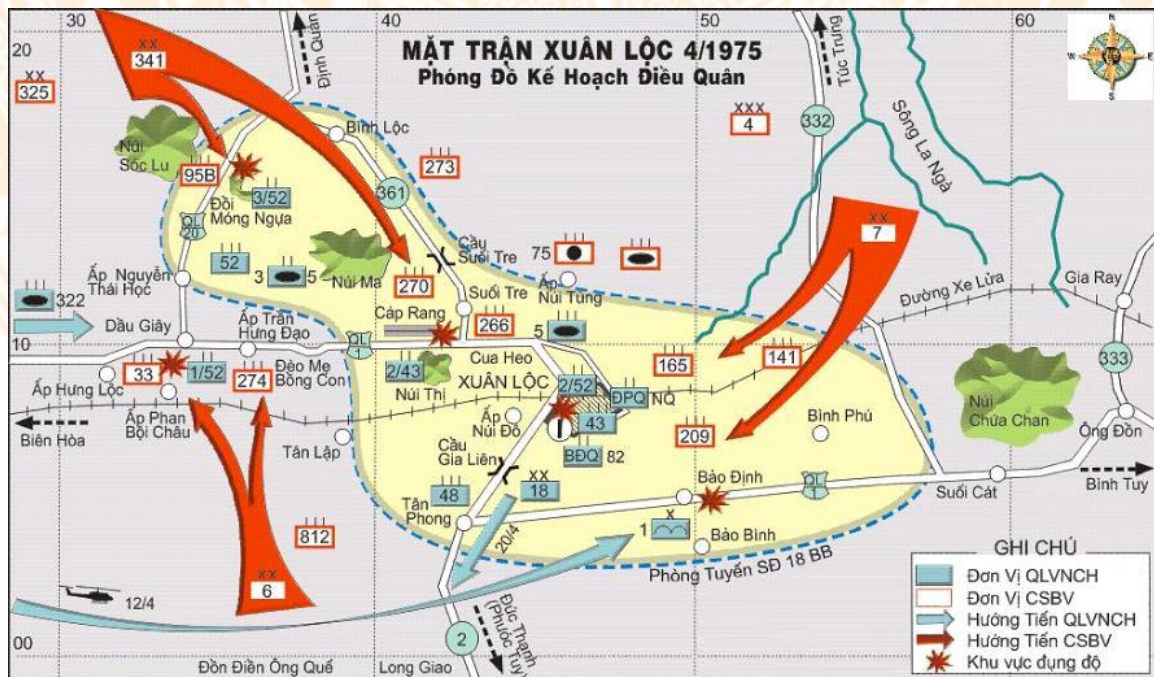
Đầu năm 1975, sau những thất bại liên tiếp trên các mặt trận Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và miền Đông Nam Bộ, chính quyền Sài Gòn buộc phải “tử thủ Sài Gòn” để chuyển giao quyền lực trong danh dự. Vì vậy, địch tổ chức tuyến phòng thủ kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc là “một mắt xích quan trọng quyết phải giữ”, là “cánh cửa thép” phía Đông Sài Gòn, mắt Xuân Lộc là mắt Sài Gòn.

Thị xã Xuân Lộc cách Sài Gòn khoảng 80km về phía Đông, án ngữ các trục giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A vào Sài Gòn, Quốc lộ 20 nối Sài Gòn với Đà Lạt và Quốc lộ 15 nối Sài Gòn với Bà Rịa-Vũng Tàu. Để quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá, địch tập trung lực lượng, trang thiết bị, vũ khí quân sự tại tuyến phòng thủ Xuân Lộc, gồm: Sư đoàn 18 bộ binh, 1 trung đoàn thiết giáp (100 xe), 1 liên đoàn biệt động quân, 9 tiểu đoàn bảo an, 2 tiểu đoàn pháo binh (42 khẩu), 3 đại đội biệt lập, 4 trung đội pháo và các lực lượng cảnh sát, dân vệ, nghĩa quân tại chỗ (tương đương 2 sư đoàn bộ binh)... Trong quá trình chiến dịch, địch tăng cường Lữ đoàn Dù 1, Trung đoàn Bộ binh 8 (Sư đoàn 5), 1 liên đoàn biệt động quân và 1 trung đoàn thiết giáp.

2. Nhiệm vụ và quyết tâm của ta

Đánh giá đúng tầm quan trọng của cửa ngõ Xuân Lộc, trên cơ sở nhận định tình hình chiến trường, ngày 2/4/1975, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc, nhằm tiêu diệt sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, chia cắt giao thông, cô lập Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4 phối hợp với Sư đoàn Bộ binh 6 (Quân khu 7), hai tiểu đoàn xe tăng, trung đoàn pháo binh và 2 tiểu đoàn bộ binh địa phương, cuối chiến dịch được tăng cường thêm Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) và đại đội xe tăng.

3. Diễn biến



Sơ đồ Chiến dịch Xuân Lộc năm 1975

Theo kế hoạch của Ban chỉ huy, 5 giờ 40 phút ngày 9-4-1975, Quân đoàn 4 đã nổ súng tiến công Xuân Lộc, tiến hành một chiến dịch gồm nhiều trận chiến đấu liên tiếp, liên kết chặt chẽ với nhau trong một không gian nhất định. Ngay từ ngày đầu, chiến dịch đã diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. Trong ngày chiến đấu đầu tiên, quân ta đã chiếm được một phần hai thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu.

Trước thế mạnh của quân ta, địch đã điên cuồng chống trả, tăng cường lực lượng quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá. Ngày 12/4, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn quyết định tăng cường lực lượng, vũ khí và phương tiện chiến tranh cho Xuân Lộc: Đổ lữ đoàn 1 dù xuống chốt tại ngã ba Tân Phong; đồng thời, nhanh chóng bố trí lại thế trận phòng thủ ở thị xã; đưa lữ đoàn 3 thủy quân lục chiến, chiến đoàn 318 biệt động quân đến chốt giữ Trảng Bom, chiến đoàn 322 biệt động quân đến chốt ở Bàu Cá và điểm cao 122; đưa trung đoàn 8, sư đoàn 5 từ Lai Khê sang tăng cường cho Bàu Cá; lệnh cho các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất tập trung 80 lần chiếc máy bay chiến đấu mỗi ngày trực tiếp chi viện cho các mũi phản kích. Như vậy, để cố thủ Xuân Lộc - Long Khánh, địch

đã tập trung trên 30% lực lượng bộ binh, 40% pháo binh và gần hết lực lượng xe tăng thiết giáp của Quân đoàn 3 - Quân khu 3 và lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân đội Sài Gòn.



Xe tăng, bộ binh của quân đoàn 4 tiến vào Giải phóng Xuân Lộc tháng 04/1975

Sau 3 ngày chiến đấu, mặc dù ta đã chiếm được một số mục tiêu, đẩy lùi được một số đợt phản kích của địch nhưng vẫn chưa diệt gọn từng tiểu đoàn của địch, trong khi đó quân đội ta cũng gặp những tổn thất lớn. Trước tình hình trên, ta đã nghiên cứu diễn biến trận đánh, quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh từ tiến công trực tiếp chuyển sang thế trận bao vây, cô lập nhằm làm suy yếu lực lượng địch trong thị xã; tiêu diệt các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài.

Từ nhận định toàn tuyến phòng thủ Sài Gòn - Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ chỉ huy chiến dịch và Quân đoàn chủ trương thiết lập thế trận mới bằng cách cô lập và tách rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã 3 Dầu Giây, cắt quốc lộ 1 ngăn chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong. Ngay sau khi chuyển sang cách đánh mới, quân giải phóng miền Nam đã giành thế chủ động.

Trong khi ta chuyển thế trận và cách đánh, địch lại tưởng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta, phía địch công bố chiến thắng Xuân Lộc. Ngày 15-4, ta chuyển hướng tiến công. Hỏa lực pháo binh chiến dịch của ta đã tiến hành tập kích mãnh liệt vào sân bay Biên Hòa, Sư đoàn 6 có sự tăng cường của Trung đoàn 95B đã tiến công tiêu diệt chiến đoàn 52, 1 tiểu đoàn pháo, 1 chi đoàn thiết giáp, chiếm giữ chi khu Gia Kiệm, ngã ba Dầu Giây, cắt đứt Quốc lộ 1 (đoạn Xuân Lộc đến Bàu Cá) và đường 20 (đoạn Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây), tạo thế bao vây, cô lập hoàn toàn thị xã Long Khánh - khu vực trọng yếu trên tuyến phòng thủ Xuân Lộc của địch.

Trước tình hình “ngàn cân treo trên sợi tóc”, từ ngày 16/4, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn khẩn cấp đưa lữ đoàn 3 thiết giáp, trung đoàn 8, sư đoàn 5; huy động hơn 100 khẩu pháo cỡ lớn ở các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thức, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay chiến đấu chi viện mỗi ngày, mở cuộc phản kích quy mô lớn, quyết chiếm lại Dầu Giây.

Dầu Giây bỗng chốc trở thành điểm quyết chiến khốc liệt nhất trong cuộc đọ sức giữa ta và địch tại Xuân Lộc. Tổn thất của cả hai bên tiếp tục tăng lên mỗi ngày. Cùng thời gian này, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 tiếp tục tiến công, đánh bại các chiến đoàn 43 và 48, tiêu hao nặng lữ đoàn 1 dù của địch; Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiến công Hưng Nghĩa và điểm cao 122, đẩy quân địch xuống Bàu Cá. Phối hợp chặt chẽ với đòn tiến công của quân chủ lực, bộ đội địa phương và du kích nhanh chóng tiêu diệt, bức hàng, bức rút hệ thống đồn bốt địch ở dọc các trục giao thông bao quanh thị xã.

Khi chiến sự ở Xuân Lộc còn đang diễn ra trong thế giằng co, thì cánh quân duyên hải, nòng cốt là Binh đoàn Hương Giang, sau khi đập tan “lá chắn Phan Rang”, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân đã tiến vào khu vực Rừng Lá. Sức mạnh của một binh đoàn chiến lược thọc sâu vừa đánh tan những tập đoàn cứ điểm phòng thủ mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Huế, Đà Nẵng, Phan Rang không chỉ góp phần cô lập trực tiếp đối với quân địch ở Xuân Lộc, mà còn tạo sức ép mạnh đối với toàn bộ quân địch còn lại ở miền Nam.

Nhận thấy không thể đủ sức giành lại Dầu Giây, chiếc “*then*” của “*cánh cửa thép*” không còn, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn xuống lệnh rút khỏi Xuân Lộc để bảo toàn lực lượng. Theo đó, vào lúc 22h ngày 20/4, lợi dụng lúc trời mưa lớn, theo tính lộ 2, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc đã tháo chạy về hướng Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhưng do chủ quan, mất cảnh giác, chậm phát hiện được hành động của địch, nên ta chỉ kịp chặn đánh được bộ phận rút quân sau cùng của chúng.

Ngày 21/4/1975, Chiến dịch tiến công Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, thị xã Long Khánh được hoàn toàn giải phóng. “*Cánh cửa thép*” phía Đông Sài Gòn - Gia Định đã mở toang. Thừa thắng, quân và dân các địa phương đã tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn tỉnh Long Khánh.

4. Kết quả và ý nghĩa

4.1. Kết quả



Quân giải phóng của Ta làm chủ Trận địa Xuân Lộc

Sau 12 ngày đêm chiến đấu gay go, quyết liệt với tinh thần dũng cảm, ngoan cường ta đã đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến

đoàn 52, sư đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, giải phóng thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh. Chiến thắng Xuân Lộc đã đập tan “*cánh cửa thép*” ở cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, làm suy sụp tinh thần kháng cự của binh lính quân đội Việt Nam Cộng hòa; tạo ra thế và lực mới để quân và dân ta bước vào trận quyết chiến trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

4.2. Ý nghĩa

Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, “*cánh cửa thép*” phía Đông Sài Gòn đã mở rộng cho các đơn vị tiến vào Sài Gòn. Chiến thắng Xuân Lộc khơi dậy, cổ vũ tinh thần quyết chiến, quyết thắng khí thế cách mạng tiến công của toàn quân và dân cho trận quyết chiến chiến lược, góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt của dân tộc Việt Nam. Đối với chính quyền và quân đội Sài Gòn, sự kiện Xuân Lộc đã tạo ra một áp lực mạnh mẽ làm cho nội bộ lục đục và suy yếu thêm. Thắng lợi của chiến dịch này là đòn quyết định đánh sập toàn bộ ý chí kháng cự của địch và làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ xung quanh Sài Gòn.

CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN VÀ DÂN BIÊN HOÀ – ĐỒNG NAI

Cách đây hơn 70 năm, ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, trong đó nhấn mạnh: *“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*.

Kể từ đó, lời kêu gọi của Người đã cổ vũ, khích lệ lòng nồng nàn yêu nước, truyền thống quật cường, bất khuất của dân tộc. Từ đó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Nhìn lại hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, dân tộc ta đã đánh giặc bằng sức mạnh truyền thống văn hiến hàng nghìn năm; kết hợp vận dụng nghệ thuật quân sự tài tình của các bậc tiền nhân thừa trước, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ *“lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”*; tiếp 21 năm sau đó, chúng ta lại làm nên Đại thắng mùa xuân năm 1975, đánh sập chủ nghĩa thực dân mới, giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất Tổ quốc.

Hoà chung truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng bất khuất đó của dân tộc; trong hai cuộc kháng chiến chống bọn Thực dân và Đế quốc xâm lược, quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai đã đập tan nhiều âm mưu, cuộc càn quét của kẻ thù, lập nên nhiều chiến công lừng lẫy, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất của đất và người vùng đất *“miền Đông gian lao mà anh dũng”*.

Qua quá trình tìm hiểu hai cuộc kháng chiến trường kỳ của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai lịch sử, là một học sinh còn đang ngồi trên ghế nhà trường, bản thân em cảm thấy vô cùng tự hào về quê hương Đồng Nai thân yêu, nơi có những con người đã làm nên lịch sử; có những chiến công làm khiếp vía quân thù, đập tan nhiều âm mưu lớn của bọn xâm lược; được Đảng, Bác Hồ cũng như nhân dân hai miền khen ngợi *“miền Đông gian lao mà anh dũng”*.

Đâu đó, em cũng vô cùng xúc động trước tinh thần “*thà hi sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước*” của biết bao người lính bộ đội cụ Hồ vô danh và nhân dân tỉnh nhà cho hai cuộc kháng chiến vĩ đại, vì sự nghiệp “*không có gì quý hơn độc lập – tự do*” như Bác Hồ kính yêu đã từng mong ước.

Để thấu hiểu hơn nữa, bản thân em xin mạn phép đưa ra một số suy nghĩ sau:

1. Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai xuất phát từ tinh thần yêu nước nghìn đời của dân tộc:

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh vô vàng kính yêu đã từng nói: *Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.* Câu nói đó gợi lên trong tâm trí của bản thân nhiều suy nghĩ, nhất là khi được may mắn nghiên cứu và tìm hiểu về truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc ta nói chung và của quân – dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai nói riêng. Bản thân thiết nghĩ, “*ham muốn*” đó của Người cũng là “*ham muốn*” của triệu triệu con người mang trong mình dòng máu Lạc Hồng hơn 4000 năm lịch sử. Độc lập, tự do, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ,... là những tư tưởng quý báu từ bao đời nay của dân tộc. Tư tưởng ấy xuất phát từ một tinh thần, một truyền thống và sau này được Người khái quát lên thành tư tưởng: đó là *Tinh thần Yêu nước*.

Trong tác phẩm *tinh thần yêu nước của nhân dân ta*, Người đã từng khẳng định: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*. Thật vậy, từ bao đời nay, truyền thống ấy vẫn có một sức sống vô cùng mạnh mẽ từ buổi đầu Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh lịch sử; nó trường tồn và bất diệt trong tâm trí mỗi con người Việt Nam dù là miền xuôi hay miền ngược, đồng bằng hay miền núi, không phân chia dân tộc, tôn giáo,

giai cấp, địa vị xã hội,...; hễ là người Việt Nam thì luôn có trong mình tinh thần yêu nước.

Người dân quê hương Biên Hoà – Đồng Nai của em cũng vậy. Là một vùng đất mới, được Lê thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh khai khẩn vào cuối thế kỷ thứ XVII; thế nhưng có thể khẳng định, đất và người nơi đây đã tiếp nối truyền thống nghìn năm văn hiến của dân tộc. Điều này được thể hiện sâu sắc và rõ nét nhất qua việc chúa Nguyễn cho xây dựng Văn miếu Trấn Biên chỉ 17 năm sau khi thiết lập bộ máy hành chính ở vùng đất mới (năm 1715). Ngay từ cái thuở mang gươm đi mở cõi ấy đến ngày hôm nay, Văn miếu Trấn Biên đã trở thành một biểu tượng văn hoá tiếp nối hào khí hơn 4000 năm lịch sử. Là nơi khẳng định và xác lập chủ quyền, giáo dục truyền thống hiếu học và quan trọng nhất: tiếp nối và giáo dục truyền thống yêu nước từ bao đời nay của dân tộc ta tại vùng đất mới.

Từ đó, chủ nghĩa yêu nước đã trở thành một điều gì đó rất thiêng liêng trong tâm trí mỗi người dân Biên Hoà – Đồng Nai và luôn gắn liền với những chiến công hiển hách, những truyền thống quý báu của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai trong hai cuộc chiến tranh chống bọn Thực dân và Đế quốc xâm lược.

Chúng ta nhớ lại, trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến “*toàn dân, toàn diện và trường kỳ*” chống thực dân Pháp; khi cuộc kháng chiến ở Nam bộ bùng nổ (ngày 23 tháng 09 năm 1945), bằng tinh thần nồng nàn yêu nước, các tầng lớp nhân dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai đã gác lại mọi chuyện cá nhân, từ giã gia đình, thoát ly kháng chiến. Sẵn sàng chấp nhận những mất mát và hi sinh to lớn vì độc lập và tự do cho quê hương – tổ quốc.

Năm 1946, chi đội 10 được thành lập. Đây là lực lượng vũ trang cách mạng chính quy đầu tiên của tỉnh Biên Hoà với những trận đánh vang dội góp phần vào cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta. Ngay từ khi mới ra đời, dưới sự chỉ huy của Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ, chi đội 10 đã nhanh chóng ổn định lực lượng, vượt qua những khó khăn chênh lệch quân số giữa ta

và địch để làm nên những chiến công vang dội, đặc biệt là những trận đánh giao thông. Và tiêu biểu nhất là trận phục kích giao thông La Ngà (tháng 3-1948) âm vang một thuở. Bằng sự mưu trí, dũng cảm cùng kế hoạch tác chiến được nghiên cứu tỉ mỉ, quân ta đã phục kích thành công đoàn xe gồm 69 chiếc chở nhiều sĩ quan cấp cao và tư sản Sài Gòn. Trận đánh La Ngà đã thực sự làm kẻ thù khiếp đảm khi phá hủy 59/70 chiếc xe quân sự Pháp, diệt 150 lính và 25 sĩ quan Pháp. Với thành tích đó, Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã gửi điện khen và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì cho trận thắng La Ngà. Từ đó, chiến thắng La Ngà đã khẳng định khát vọng *“thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”* của nhân dân ta. Làm cho nhân dân thế giới, trong đó có những nhân dân tiến bộ Pháp hiểu được cuộc chiến tranh chính nghĩa của Đảng và dân tộc ta. Đồng thời ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam anh hùng.



Các chiến sĩ Chi đội 10 năm xưa nhớ về những chiến công vang dội của đơn vị mình

Truyền thống yêu nước đó tiếp tục được quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai tiếp tục được phát huy trong những năm kháng chiến chống Mỹ đầy ác liệt.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ấy, nhân dân Đồng Nai đã vô cùng anh dũng, hết lòng tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông, Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam. Cuộc chiến tranh nhân dân của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến cực kỳ gian khổ, ác liệt nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương, sự đồng lòng của đại bộ phận quần chúng nhân dân đã phối hợp thành công, kịp thời cùng chiến trường toàn miền Nam, góp phần đánh bại 05 chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, lập nên nhiều chiến công vang dội.

Chúng ta có thể kể đến cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp vào tháng 12 năm 1956 của hơn 400 cán bộ, Đảng viên, đồng bào yêu nước bị địch bắt giữ. Hay trận đánh vào sân bay Biên Hoà được mệnh danh là trận Trân Châu cảng thứ 2 trong lịch sử quân sự thế giới được Đảng và Bác Hồ khen ngợi. Quan trọng nhất, mùa xuân năm 1975, ta đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc; tạo mọi điều kiện thuận lợi để chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng đúng như lời chủ tịch Hồ Chí Minh đã hằng mong ước:

Vì độc lập, vì tự do,

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.

Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,

Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!²

Là một học sinh đang còn ngồi trên ghế nhà trường, được may mắn được học và rèn luyện tinh thần yêu nước, bản thân rất lấy làm kính phục những chiến công vĩ đại mà cha ông ta ngày trước đã đạt được. Bản thân nhận thức được rằng, nếu không có lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu độc lập – tự do, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ vĩ đại; quân và dân vùng đất Biên

² Thơ chúc tết của Bác Hồ năm 1969

Hoà – Đồng Nai nói riêng và nhân dân cả nước nói chung sẽ không bao giờ vượt qua được sự tàn khốc, ác liệt của những cuộc chiến tranh vô nghĩa...

Và cũng chính từ tinh thần yêu nước ấy, đã biết bao Người đã ngã xuống vì độc lập – tự do cho dân tộc. Theo thống kê của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai, hiện nay tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh nhà có hơn 4.500 ngôi mộ của những anh hùng – liệt sĩ. Trong đó, có biết bao Người khi nằm xuống chỉ được khắc lên hai từ “*vô danh*”. Bên cạnh đó, toàn tỉnh đã có hơn 1100 mẹ Việt Nam Anh hùng – những người mẹ vĩ đại “*ba lần tiễn con đi hai lần khóc thầm lặng lẽ*”, sẵn sàng hi sinh và hiến dâng đứa con thân yêu của mình vì độc lập – tự do cho đất nước. Quả đúng như nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã viết trong *Trường ca Mặt đường khát vọng*:

“...*Em ơi em*
Hãy nhìn vào rất xa
Vào bốn nghìn năm đất nước
Năm tháng nào cũng người người lớp lớp
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta
Cần cù làm lụng
Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước...”

2. Truyền thống cách mạng vĩ đại ấy của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai được hun đúc thông qua những truyền thống quý báu, đặc biệt là bài học “sức mạnh lòng dân” của Lực lượng Vũ trang (LLVT) tỉnh Đồng Nai hơn 70 năm lịch sử

Sau cách mạng tháng 8/1945, Biên Hoà hình thành nhiều tổ chức vũ trang do những người yêu nước thành lập. Để thống nhất lãnh đạo chỉ huy các lực lượng kháng chiến trong tỉnh, theo chỉ đạo của Khu ủy, Bộ Tư lệnh Khu, ngày 15/5/1946 Tỉnh ủy Biên Hoà triệu tập Hội nghị Quân sự toàn tỉnh tại Xóm Đền (xã Tân Hòa - huyện Tân Uyên) và quyết nghị hai vấn đề lớn:

1. Thống nhất các LLVT gồm du kích trại huấn luyện Sở tiêu; Vệ quốc đoàn quận Châu Thành; Vệ quốc đoàn Biên Hoà, lấy tên Vệ quốc đoàn Biên Hoà.

2. Xây dựng chiến khu Đ thành căn cứ kháng chiến của tỉnh.

Như vậy từ đây, LLVT Biên Hoà được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp thống nhất của Đảng; mở ra thời kỳ mới xây dựng và phát triển LLVT của tỉnh từ trên xuống huyện, xã, từng bước hình thành ba hình thức vũ trang trong tỉnh, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất, tạo sức mạnh để LLVT thực hiện thắng lợi nhiệm vụ làm nòng cốt trong kháng chiến.

Trước nhất, trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu, bản thân nhận thức rất rõ những giá trị văn hoá của người lính “bộ đội cụ Hồ” ở vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai lịch sử. Đặc biệt là tính nhân dân - một trong những điều kiện tiên quyết của mỗi người lính bộ đội cụ Hồ nói riêng và của LLVT tỉnh nhà nói chung.

Nhà thơ Chính Hữu từng viết:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!...”

(Trích *Đồng chí*)



Nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai vui mừng khi quê hương được giải phóng

Và những người lính “*bộ đội cụ Hồ*” ở vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai này cũng vậy, họ là những người tự những phương trời xa lạ, thuộc nhiều tầng lớp, giai cấp khác nhau như nông dân, công nhân (nhà máy đồn điền cao su), học sinh, trí thức,...; thuộc nhiều dân tộc, tôn giáo,... khác nhau và họ cùng gặp nhau ở một tinh thần chung, đó là “*quyết tử cho tổ quốc quyết sinh*”, sẵn sàng hi sinh máu xương của mình để nhân dân Việt Nam được sống trong niềm tự do và độc lập.

Trong suốt cuộc đời cách mạng của mình, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan niệm “*trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân*”, “*cách mệnh là việc chung cả dân chứ không phải việc của một hai người*”. Và quả thật, sức mạnh, hậu phương và căn cứ quan trọng nhất trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại chính là “*lòng dân*”. Trong quá trình tìm hiểu một số trận đánh nổi tiếng tại vùng đất

Biên Hoà – Đồng Nai, bản thân cảm nhận được vai trò rất lớn về “*sức mạnh của lòng dân*”. Bản thân thiết nghĩ, nếu không có nhân dân và du kích mật bên trong, không có “tai mắt” nhân dân thì LLVT tỉnh nhà chưa chắc làm nên những trận đánh và chiến thắng như trận tập kích đầu tiên vào trung tâm tỉnh lỵ Biên Hoà (1 tháng 1 năm 1946); không có chiến thắng La Ngà (1 tháng 3 năm 1948)... trong chống Pháp; nếu không có nhân dân thì không có sự phối hợp nhịp nhàng để làm nên một trận tập kích vào Nhà Xanh (ngày 7 tháng 7 năm 1959) – một “*trận đánh diệu kỳ*” mà như báo chí phương Tây đã từng gọi. Không có nhân dân, không thể tạo ra được bàn đạp, những “*căn cứ lòng dân*” để các lực lượng vũ trang làm nên những chiến công vang dội ở sân bay Biên Hoà, tổng kho Long Bình, hay một chiến dịch Xuân Lộc, đập tan “*cánh cửa thép*” cuối cùng của Mỹ, ngự ở phía đông Sài Gòn trong mùa Xuân năm 1975, góp phần giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược.



Dưới tượng đài chiến sĩ đặc công, Đại tá Trần Công An ôn lại truyền thống của LLVT tỉnh Đồng Nai

3. Truyền thống cách mạng vĩ đại đó của quân và dân tỉnh Đồng Nai xuất phát từ sự hy sinh anh dũng, nghệ thuật quân sự tài tình và sáng tạo độc đáo của những người lính bộ đội cụ Hồ vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai

Chúng ta có thể khẳng định, chính bản lĩnh, sự tài tình, sự sáng tạo của những người lính “*Bộ đội cụ Hồ*” vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai đã làm nên những chiến công tiêu biểu như: Bà Kiên, La Ngà trong kháng chiến chống Pháp; hay sân bay Biên Hoà, tổng kho Long Bình, Chiến dịch Xuân Lộc,... trong kháng chiến chống Mỹ xâm lược.

Là một người con sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Đồng Nai này, bản thân em luôn rất tự hào vì quê hương mình là đơn vị sáng tạo nên cách đánh đặc công đã đi vào lịch sử. Có lẽ sự bất lực của ngôn từ sẽ không thể nào diễn tả hết tất cả nỗi niềm tự hào từ những con người đã làm nên lịch sử của quê hương mình xin ra. Xin kính cẩn nghiêng mình khấn phục trước Anh linh của Cố Đại tá – Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Trần Công An – vị “*cha đẻ của lối đánh đặc công*” huyền thoại này. Nhờ cách đánh đó, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sử dụng lối đánh đặc công tấn công các đồn bót, kho tàng, căn cứ quân sự hiểm yếu của địch. Bằng lối đánh bất ngờ, lấy ít đánh nhiều, lực lượng đặc công đã làm nên những chiến công vang dội, tiêu diệt và làm tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Đặc biệt trong lịch sử đấu tranh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai, các chiến sĩ đặc công của ta đã dựa vào cách đánh này mà làm nên những chiến thắng vang dội như: chiến thắng Sân bay Biên Hoà và Tổng kho Long Bình (*đã trình bày trong bài dự thi*).

Từ cách đánh đặc công trên bộ, chiến trường miền Nam đã hình thành cách đánh đặc công thủy và Đồng Nai có người chiến sĩ Rừng Sác tiên phong là Đại tá Lê Bá Ước, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác với trận đánh kho xăng Nhà Bè vang dội, lẫy lừng. Phương châm: *Đặc biệt tinh*

nhuệ - anh dũng tuyệt vời - mưu trí táo bạo - đánh hiểm thắng lớn đã và đang được những người binh chủng nơi đây phát huy, xứng đáng với những gì Đảng, Bác Hồ và Nhân dân mong đợi.

Nói về những nghệ thuật quân sự độc đáo của những người lính “bộ đội cụ Hồ” vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai, trước nhất, ta phải nhắc đến trận phục kích tiêu diệt đoàn xe Pháp trên quốc lộ 20 La Ngà - Định Quán của chi đội 10 và liên quân 17 lực lượng vũ trang miền Đông ngày 1 tháng 3 năm 1948. Như đã trình bày cụ thể ở phần trên, chúng ta nhận thấy, có một số yếu tố quan trọng nhất để làm nên chiến thắng này, cụ thể như sau:

- Nắm vững lịch trình hoạt động của địch; chọn đúng vị trí cầu La Ngà vốn là một vùng thưa dân với địa hình đồi núi vừa và thấp, phía Tây là căn cứ Chiến khu Đ của ta. Dưới nhãn quan quân sự của những người lính “bộ đội cụ Hồ”, chúng ta xác định nơi đây có những điều kiện về mặt tự nhiên vô cùng thuận lợi để tiến hành phục kích.
- Với cách đánh bất ngờ, bí mật và xây dựng các trận địa chặn đầu, chia cắt và khoá đuôi; chúng ta đã làm nên một chiến thắng La Ngà âm vang một thuở, làm nức lòng quân dân cả nước. Trận La Ngà được Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định tặng thưởng cho các chiến sĩ La Ngà Huân chương Quân công hạng II – đây là phần thưởng cao quý nhất lúc bấy giờ. Đồng thời, phát động toàn quân học tập và làm theo gương các chiến sĩ La Ngà, thi đua ái quốc – giết giặc lập công.

Tiếp theo, trong 21 năm dài kháng chiến chống Mỹ và bọn tay sai, chúng ta tiếp tục làm nên những chiến công đạt tới trình độ nghệ thuật tiêu biểu. Chúng ta khâm phục trận đánh vào sân bay Biên Hoà năm 1964, được mệnh danh là trận “*Trận Châu Cảng thứ 2*” trong lịch sử quân sự thế giới hiện đại. Đây cũng là trận đánh đầu tiên của các lực lượng vũ trang miền Nam vào một sân bay chiến lược của Mỹ kể từ lúc Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến tại Việt Nam. Sau trận đánh, lực lượng pháo binh Miền đã được tặng thưởng huân chương Quân công hạng nhất, loại huân chương cao nhất mà lần đầu tiên Đảng,

Nhà nước tặng thưởng cho quân giải phóng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bác Hồ kính yêu cũng đã làm bài thơ ca ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa:

*"Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng chiến thắng lay lắt trắng
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu"*

Đặc biệt hơn hết, trong chiến dịch Xuân Lộc – đập tan cánh cửa thép quan trọng tiến tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai đã làm nên một chiến dịch điển hình cho cách đánh linh hoạt – sáng tạo và thay đổi khi cần thiết. Chúng ta nhớ lại, theo kế hoạch ban đầu, ta tổ chức tiến công vào Thị xã, tiêu diệt Sư đoàn 18 Nguy, giải phóng Xuân Lộc. Tuy nhiên, thực tế chiến trường lúc bấy giờ rất gay go và ác liệt; do pháo binh của ta chưa phát huy hết tác dụng nên quân đoàn 4 nhiều lần liên tiếp tiến công vào Thị xã nhưng đều thất bại, tổn thất rất nặng nề về quân lực cũng như vũ khí. Qua nghiên cứu, chúng ta nhận thấy, tiến công thẳng vào Thị xã, là ta đang đánh vào nơi địch rất mạnh, lại trong công sự vững chắc, chúng có thể trong đánh ra, ngoài đánh vào; còn ta không phát huy được sở trường và thế mạnh, nên trận chiến đấu khó thành công. Do đó, nhanh chóng chuyển sang bao vây, chia cắt Xuân Lộc với Sài Gòn, kéo viện binh địch ra để tiêu diệt là quyết định hoàn toàn đúng đắn là điều kiện tiên quyết bảo đảm trận chiến đấu giành thắng lợi; đồng thời là điều kiện, thời cơ để các lực lượng phát huy sở trường, thế mạnh tiêu diệt địch, nhất là sử dụng trọng pháo tiến công mãnh liệt vào các căn cứ, sân bay, trận địa pháo, không chế và tiêu diệt từng cụm pháo binh và một bộ phận lớn địch ngoài công sự; tạo điều kiện, thời cơ để ta làm nên chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Khi viết đến đây, bản thân em vô cùng xúc động trước sự linh hoạt, sáng tạo của LLVT tỉnh Đồng Nai mà cụ thể ở đây là quân đoàn 4. Đồng thời, em cũng liên tưởng đến chiến dịch Điện Biên Phủ vang dội một thời. Em cảm nhận

được rằng, để thay đổi phương án tác chiến là một điều rất khó khăn của người tướng quân ra trận. Đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhớ lời dặn của Bác *“Tướng quân tại ngoại – Chắc thắng mới đánh – Không chắc thắng không đánh”*, đã chuyển từ phương châm *“Đánh nhanh, thắng nhanh”* sang phương châm *“Đánh chắc, tiến chắc”*. Nhờ đó ta làm nên một Điện Biên Phủ *“lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”*. Và trong chiến dịch Xuân Lộc cũng vậy, nhờ thay đổi cách đánh một cách linh hoạt, sáng tạo; chúng ta mới thắng Xuân Lộc, *“đập tan”* cánh cửa thép cuối cùng của chính quyền Sài Gòn, mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử với phương châm *“Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ từng phút xốc tới chiến trường giải phóng miền Nam, quyết chiến và toàn thắng”*.



Trong thời đại ngày nay, LLVT nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, cầm chắc tay súng bảo vệ quê hương – đất nước

Trong hai cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược vừa qua, LLVT tỉnh Đồng Nai với truyền thống *“Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”* đã lập nên những truyền thống vẻ vang, bất khuất, kiên trung và son sắc. Vớ nhiều huân huy chương cao quý được Đảng và nhà nước trao

tặng, 45 đơn vị và trên 30 đồng chí được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đã phản ánh phần nào những đóng góp và hi sinh to lớn ấy của LLVT tỉnh Đồng Nai, cũng những người lính “*Bộ đội cụ Hồ*” Đồng Nai kiên trung – bất khuất.

4. Truyền thống cách mạng cao quý ấy còn xuất phát từ tình cảm của con người nơi đây dành cho chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại

“...*Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha...*”

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành tình cảm đặc biệt cho đồng bào miền Nam ruột thịt bởi “*miền Nam đi trước về sau*”. Khi một nửa đất nước còn nằm dưới ách thống trị của Mỹ - ngụy thì trái tim Người luôn hướng về miền Nam, thương nhớ đồng bào ngày đêm rên xiết dưới gót giày quân xâm lược, cùng niềm mong mỏi ngày thống nhất đất nước. Tình cảm của Người dành cho đồng bào miền Nam phần nào được thể hiện qua câu nói giản dị mà rất nổi tiếng của Người: “*Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi...*”.

Và nhân dân miền Nam, mặc dù không được may mắn đón Bác vào thăm, chưa một lần được gặp Bác như có lẽ, tấm lòng nhân hậu, nhân cách tuyệt vời và sự hy sinh vĩ đại của Người dành cho đất nước đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng trong tâm trí của mỗi người miền Nam.

Đối với người dân Đồng Nai quê hương tôi cũng vậy, luôn dành những gì thiêng liêng và cao quý nhất cho Bác Hồ - một người sẵn sàng hi sinh cả cuộc đời mình cho sự nghiệp độc lập và tự do của dân tộc. Trong tâm trí của mỗi người dân Đồng Nai đã từng may mắn gặp được Bác luôn tràn lên bao nỗi niềm xúc động, là những phút giây quý báu duy nhất trong suốt cuộc đời của những chiến sĩ vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai. Đặc biệt, đồng chí Trần Công An – người khai sinh lối đánh đặc công còn vinh dự và may mắn được gặp Bác 7 lần với niềm vinh dự, hạnh phúc và xúc động trong trái tim. Bản thân em cảm nhận sâu sắc được rằng, ngày ấy, các chiến sĩ “*Bộ đội cụ Hồ*” được gặp Bác vừa là một vinh dự, vừa là một may mắn rất lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng.

Mỗi lời nói, cử chỉ của Người đều là một bài học đạo đức sâu sắc; hơn thế, đó là một động lực to lớn để mỗi chiến sĩ “*Bộ đội cụ Hồ*” có thêm động lực, tâm sức để cùng nhau thực hiện mong ước “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” của Người.

Thuở ấy, đối với những người dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai không may mắn được gặp Bác Hồ thì hình ảnh của Người lại trở thành một biểu tượng trong tâm trí mỗi người. Đó là hình ảnh một người Cha mái tóc bạc, một ông Tiên dịu hiền với tôn dung tuyệt đẹp và đầy lòng thương người, thương dân. Hơn thế, tình cảm của nhân dân quê hương Đồng Nai giành cho Người còn là một niềm tin mãnh liệt vào chân lý, vào chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những điều Người đang làm cho đất nước và dân tộc. Và niềm tin mãnh liệt ấy đã vượt qua những gì khó khăn và gian khổ nhất của cuộc chiến tranh khốc liệt; thậm chí, đối diện trước tử thần nhưng những người Chiến sĩ Kiên trung vẫn nhớ về Người. Năm 19589, sau khi nhận bản án tử hình, đồng chí Ngô Bá Cao – Bí thư Tỉnh uỷ Biên Hoà – đã cảm tác mấy dòng thơ như sau:

*“... Lờì Bác còn đây dạ sắt son
Còn dân, còn Đảng còn nước non
Con vẫn bên Cha mãi mãi còn...”*

(Án tử hình nhớ Bác)

Ngày 02/09/1969 (nhằm ngày 21/07 âm lịch), chủ tịch Hồ Chí Minh – vị cha già kính yêu của dân tộc đã từ giã nhân dân, trở về với Lê Nin và Các Mác trong sự thương tiếc vô hạn của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đối với đồng bào miền Nam, niềm tiếc thương đó còn nhân lên gấp bội bởi ước mơ trở lại miền Nam của Người còn chưa thành hiện thực. Có lẽ, nhà thơ Tố Hữu đã thay người dân miền Nam nói lên nỗi lòng đó:

*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội*

*Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!*³



Đình Phú Mỹ (thuộc xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) ngày nay

Là một người dân sinh ra tại vùng đất Phú Hội quanh năm cây trái trĩu ngọt, có lẽ bản thân em cũng cảm nhận được cái vị ngọt ấy từ chính người bà, người cha, người mẹ và những bà con lối xóm xung quanh. Vị ngọt ấy chính là cái nghĩa, cái tình, cái lòng yêu quê hương đất nước da diết. Và hơn hết đó còn là một tình cảm thiêng liêng đối với Bác Hồ trong những năm tháng ấy và đặc biệt là trong lúc Người lìa xa chúng ta. Bản thân em vẫn còn nhớ như in những lời kể từ người bà đáng kính. Cụ thể, ngay sau khi nghe tin Bác mất, nỗi đau quặn thắt trong tim, người người nước mắt đầm đìa lặng lẽ thấp nén hương thương tiếc Bác vô vàn. Trước nỗi đau đó, người dân Phú Hội quê hương em như chìm trong sự đau đớn đến tột cùng, đã tổ chức để tang tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng nhiều cách. Nhiều gia đình (trong đó có gia đình tôi) nấu một mâm cơm canh và thấp nhang tưởng nhớ, nhiều nơi còn lấy vải trắng may

³ Trích bài thơ *Bác ơi!* của nhà thơ Tố Hữu

trong ve áo để để tang Người. Đặc biệt hơn hết, các vị bô lão của đình Phú Mỹ (nay thuộc xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) đã nảy ra một sáng kiến vô cùng độc đáo; họ đã tạo ba tấm hoành phi với nội dung ca ngợi công lao trời biển của Bác. Sau một thời gian miệt mài suy nghĩ, cân nhắc lựa chọn, cuối cùng cũng chọn ra ba câu với nội dung như sau:

Hồ nhiên nhi thiên

Chí vọng thâm ân

Minh hoài hậu đức

Ba câu trên có thể hiểu là: *Công ơn của Người lồng lộng như trời cao, đức của Người còn lưu mãi muôn đời.* Đồng thời, ba chữ đầu trong mỗi câu ghép lại thành tên của Người – Hồ Chí Minh mà đọc lên ai cũng biết.



Ba bức Hoành phi mang ý nghĩa trên tại đình Phú Mỹ (huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng

Nai). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vĩnh viễn rời xa dân tộc ta và nhân dân ta. Thế nhưng hình dáng, lời dạy quý báu, nhân cách vĩ đại và đạo đức cao quý của Người vẫn ăn sâu vào trong tâm trí của mỗi con người Việt Nam nói chung và người dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai nói riêng. Ca ngợi truyền thống cách mạng kiên cường bất khuất của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến đầy khốc liệt, chúng ta không quên đến tình cảm của

người dân nơi đây giành cho Bác Hồ kính yêu. Trong giai đoạn hiện nay, thiết nghĩ, đó cũng chính là một truyền thống cao quý, một chiến công vang dội về tư tưởng để mỗi người dân tin sâu hơn nữa vào con đường mà Người và nhân dân đã lựa chọn, tiếp tục vượt qua những khó khăn, thử thách; tiếp tục rèn luyện đạo đức, tác phong; xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm Châu như Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã hằng mong ước.

5. Truyền thống ấy còn xuất phát từ tấm lòng yêu nước và sự hi sinh thầm lặng nhưng vĩ đại của các mẹ Việt Nam anh hùng vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Sinh thời, Bác Hồ đã từng nói: *“Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta”*.

Thật vậy, từ bao đời nay, đất nước dù trải qua biết bao cuộc trường chinh máu lửa, người mẹ Việt Nam vẫn gánh cả nỗi đau giang sơn trên đôi vai gầy yếu của mình, đi suốt cả một chiều dài lịch sử của dân tộc. Từ những bà Trưng, bà Triệu, đến nữ tướng Bùi Thị Xuân... đã làm khiếp đảm quân thù. Lớp tiếp lớp, bước tiếp bước anh hùng và phải chăng đó là mạch nguồn để người mẹ Việt Nam đi vào lịch sử.

Người mẹ Việt Nam từ ngàn đời đã trở thành biểu tượng cao quý của lòng nhân hậu, đức kiên trung, một đời lam lũ, tảo tần, “biết hy sinh mà chẳng nói nhiều lời” (Tố Hữu), chất chiu nuôi dưỡng biết bao thế hệ anh hùng của dân tộc. Nước nhà bị xâm lăng, cũng như đời mẹ nhọc nhằn trong suốt những tháng năm dài đằng đặc đấu tranh để bảo vệ, gìn giữ cuộc sống thanh bình, ấm no, hạnh phúc cho đất nước.

Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Hơn 127 ngàn bà mẹ Việt Nam anh hùng trong cả nước đã hiến dâng chồng, con, cháu cho cách mạng, tô thắm trang sử vàng truyền thống hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Đối với vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai lịch sử, chúng ta tự hào vì có đến 1.118 bà mẹ được Đảng và nhà nước công nhận là Mẹ Việt Nam anh hùng. Thiết nghĩ, con số trên phần nào cho ta thấy được một hào khí, một tinh thần nồng nàn yêu nước của những người Mẹ Việt Nam “*ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ*”, sẵn sàng hiến dâng những đứa con thân yêu của mình vì sự nghiệp độc lập – tự do cho dân tộc.

Đặc biệt, trong quá trình tìm hiểu, bản thân em cũng đã được nghe rất nhiều câu chuyện về những người Mẹ Việt Nam anh hùng tại quê hương xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Và đặc biệt là câu chuyện về Mẹ Việt Nam anh hùng Đào Thị Phấn. Mẹ Đào Thị Phấn (1911 – 2009) thường được gọi là mẹ Hai Phấn, sinh ra trong một gia đình nghèo ở xóm Vườn, Phú Mỹ 1 (nay là ấp Phú Mỹ, thuộc xã Phú Hội), năm 1930 mẹ Hai Phấn lập gia đình với ông Lư Văn Nén bên Xóm Hồ (cũng trong xã Phú Hội) và có 5 người con.



Chân dung Mẹ VNAH Đào Thị Phấn

Tháng 8/1945, như bao thanh niên khác trong xã Phú Hội, ông Hai Nén tham gia Thanh niên tiên phong và sau đó trở thành cán bộ Hội Nông dân cứu quốc xã. Khi quân Pháp tái chiếm Biên Hòa, cùng với cơ quan, đoàn thể, ông Hai Nén chuyển vào căn cứ Phước An. Kể từ đó, mọi công việc gia đình, nuôi dạy 5 người con đều do mẹ Hai Phấn quán xuyến.

Để mưu sinh, mẹ Hai Phấn đặt mua một cối đá và khuôn ép rồi tự tay xay bột làm bún, gánh bán khắp xã. Công việc cực nhọc, vất vả nhưng cũng đáp ứng cho cuộc sống trong vùng nông thôn thời kháng chiến.

Vào cuối năm 1950, quân Pháp tăng cường đánh phá chiến khu Phước An. Trong một trận đột kích của địch, một số cán bộ cách mạng hy sinh, trong đó có ông Lư Văn Nén.

Chồng mất, mẹ Hai Phần lại gạt nước mắt lặng lẽ cho người con trai lớn nhất của mình là Tư Gương (Lư Văn Gương, sinh năm 1935) mới 16 tuổi vào rừng tham gia kháng chiến.

Đến năm 1960, thấy con trai kế tiếp của mình (Sáu Trục, Lư Văn Trục, sinh năm 1939) sắp đến tuổi bị địch bắt đi quân dịch, không muốn con cầm súng giặc chống lại đồng bào, mẹ Hai Phần động viên anh Sáu Trục bỏ hết việc nhà, vào rừng gia nhập Đơn vị 19-5. Đầu năm 1961, trong một trận đụng độ ở Phước Thiện, anh Sáu Trục bị thương nặng và rơi vào tay địch. Bị bắt đưa về Biên Hòa tra hỏi, anh Sáu Trục vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, không khai báo. Ngày 2/2/1962, mẹ Hai Phần lại rưng rờ nghe tin người con trai tuổi mới đôi mươi của mình bị đưa về xử bắn tại sân bia quận Nhơn Trạch.

Căm thù chồng chết, mẹ Hai Phần lại gạt nước mắt, lặng lẽ tiễn biệt người con trai thứ tư là Bảy Hào (Lư Văn Hào, còn gọi là Lư Văn Hòa, sinh năm 1941) gia nhập lực lượng vũ trang tỉnh để được trực tiếp cầm súng giết giặc trả thù cho cha và anh. Và rồi lại thêm một lần nữa, mẹ Hai Phần ở Xóm Hố khóc ngất khi nghe tin báo là con trai mẹ bị pháo địch bắn mất xác ở Suối Quýt - Cẩm Đường trong ngày 29/12/1964.

Và cuối cùng là đứa con trai út của mẹ Hai Phần, Tám Kiệt (Lư Văn Kiệt) đến tuổi 17. Quyết không để con cầm súng chống lại cách mạng, chính tay mẹ sắm một số vật dụng cần thiết cho con rồi gửi con vô rừng để theo mấy anh, mấy chú “đánh Mỹ, giải phóng quê hương”.

Nhưng chiến tranh thường ác nghiệt đến khó ngờ, mẹ lại phải một lần nữa đón nhận tin sét đánh: Tám Kiệt, người con trai út của mẹ lọt vào ổ phục kích của địch, hy sinh ngày 16-11-1971 tại xã Bàu Hàm.

Cả cuộc đời của bà mẹ Việt Nam anh hùng Đào Thị Phần đã hiến dâng những người thân yêu nhất của cuộc đời mình cho cách mạng. Có lần mẹ từng

tâm sự: các con của mẹ đã hy sinh nhưng các con của dân tộc thì vẫn đang ở bên mẹ nên dù rất đau nhưng trong ánh mắt mẹ vẫn ánh lên hy vọng của niềm vui chiến thắng. Một lần khác khi trả lời báo chí, mẹ nói: các con của mẹ đã mãi mãi không về nhưng niềm tin chiến thắng của dân tộc và sự phát triển của đất nước đã làm cho máu của các con mẹ và các liệt sỹ khác càng có ý nghĩa hơn. Quả thật, dù đớn đau khi nhìn thấy những đứa con mình ra đi mãi mãi không bao giờ trở về; nhưng đâu đó, những người mẹ Việt Nam anh hùng vẫn giữ nguyên cho mình một tinh thần “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”, sẵn sàng hiến dâng những đứa con thân yêu của mình, là một hậu phương vững chắc để các Anh vững chắc tay súng, đấu tranh bảo vệ độc lập – tự do cho dân tộc. Cũng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:



Chân dung Mẹ Trần Thị Sang, sinh năm 1917, có 3 người con hy sinh từ năm 1965-1971. Mẹ ở tại TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Tao già không sức cầm dao

Giết bay, có các con tao trăm vùng!

Con tao, gan dạ anh hùng

*Như rừng đước mạnh, như rừng chàm thơm!*⁴

Người mẹ Việt Nam là vậy đấy, vốn sẵn có một tinh thần nồng nàn yêu nước, lại sinh ra hàng triệu người con anh hùng. Mẹ nuôi dưỡng con lớn khôn, bồi đắp tinh thần yêu nước của mẹ rồi lặng lẽ lau nước mắt tiễn con ra trận. Có lẽ, nếu không có những bà mẹ Việt Nam anh hùng, chắc chắn sẽ không bao giờ có những anh hùng đã chiến đấu, hy sinh để bảo vệ non sông tươi đẹp này, không bao giờ có được một hào khí Đồng Nai đời đời bất khuất.

Quả thật:

Những bà mẹ đo chân vào thân tích

Để hoài thai triệu triệu những anh hùng

Những anh hùng Việt Nam chống Mỹ

Đang xuống đường như nắng xuống quê hương

(Trích bài thơ “Xuống đường” của Nguyễn Khoa Điềm)

⁴ Trích bài thơ “Bà má Hậu Giang” của Tố Hữu

BẢN THÂN SẼ LÀM GÌ ĐỂ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG ẤY?

Từ bao đời nay, Giáo dục luôn là quốc sách hàng đầu để phát triển một quốc gia vững mạnh. Trong đó, Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“Thanh niên là rường cột của nước nhà, là chủ tương lai của đất nước, tương lai của dân tộc, là lực lượng xung kích trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng CNXH”*. Trước lúc đi xa, Bác Hồ kính yêu vẫn giành tình cảm và kỳ vọng lớn đối với thanh niên: *“Đoàn viên, thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”*.

Trong những năm qua; để phát huy cũng như giáo dục truyền thống cách mạng quý báu của tỉnh nhà đối với đại bộ phận quần chúng nhân dân, trong đó có các thế hệ thanh niên, học sinh, sinh viên; các cô chú lãnh đạo Tỉnh uỷ, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai, các sở, ban ngành trực thuộc đã có nhiều hoạt động, kế hoạch, chương trình vô cùng thiết thực và ý nghĩa. Nhiều hoạt động với mục đích tri ân và báo ân các Anh hùng, liệt sĩ, thương bệnh binh, mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình có công với cách mạng,...; hay những hoạt động về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, địa chỉ đỏ, bảo tàng tỉnh,... thu hút rất nhiều thanh niên, sinh viên, học sinh tham gia; tổ chức nhiều hội thi lớn nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh, sinh viên, thanh niên, quần chúng nhân dân như hội thi Giá trị văn hoá – lịch sử tỉnh Đồng Nai, tìm hiểu 70 năm ngày truyền thống LLVT nhân dân tỉnh Đồng Nai, kể chuyện sách hè, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác Lênin,... Bản thân em nhận thức được rằng, những hoạt động đó đã và đang tiếp tục được nhiều quần chúng

nhân dân, trong đó có thế hệ thanh niên, học sinh, sinh viên như em hưởng ứng; dần dần trở thành một hoạt động phong trào không thể thiếu và mang lại nhiều bài học quý báu, trong đó có bài học về giáo dục truyền thống cách mạng quý báu của quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến ác liệt.



Lễ truy điệu và an táng các hài cốt liệt sĩ được tìm thấy ở xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai – một trong những hoạt động đền ơn đáp nghĩa tiêu biểu



Hội thi tìm hiểu Giá trị Văn hoá – Lịch sử Đồng Nai – một trong những hội thi tiêu biểu, thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là các thế hệ thanh niên – học sinh

Đối với bản thân em, là một học sinh đang được học dưới môi trường học trường đầy giá trị mô phạm, được các bạn đoàn viên trong lớp tín nhiệm bầu làm Bí thư chi đoàn; trong thời gian vừa qua, bản thân cũng rất tự hào vì đã và đang có những hoạt động, sáng kiến riêng cho bản thân để tiếp tục trui rèn cho mình những truyền thống quý báu, tốt đẹp của cha ông thuở trước; nâng cao ý thức học tập và tiếp tục trau dồi những kiến thức thực tế về văn hoá, lịch sử,... Đồng thời tuyên truyền truyền thống cách mạng quý báu đó đến các bạn đoàn viên trong chi đoàn với trách nhiệm của một bí thư chi đoàn được nhiều người tin cậy. Cụ thể như sau:

1. Những việc đã làm được:

- ✓ Với niềm tự hào và yêu thích những giá trị Văn hoá – lịch sử của dân tộc, trong những năm qua, em luôn tìm hiểu rất nhiều kiến thức về văn hoá – lịch sử của dân tộc cũng như tại địa phương. Nguyên tắc em đề ra là tìm hiểu không phải chỉ để biết, mà còn là phải hiểu vì sao chúng ta lại chọn con đường này, chiến thắng chiến công đó, đề ra nhiệm vụ đó,... Nhờ may mắn đó, em luôn tự hào về những truyền thống quý báu của dân tộc, nguyện tiếp tục nuôi dưỡng niềm tự hào đó để nó trở thành một điều kiện tiên quyết trong cuộc sống của mình.
- ✓ Tham gia nhiều phong trào, cuộc thi do trường, huyện cũng như tỉnh tổ chức như thi học sinh giỏi cấp tỉnh, tham dự *hội thi giá trị văn hoá lịch sử Đồng Nai*, tham gia *Ngày hội học sinh THPT*, tham gia triển lãm *Nghị quyết Đại hội Đoàn và Góc nhìn tuổi 18*, ... , đạt được một số thành tích cao và được các cô chú giám khảo, quý thầy cô ghi nhận.
- ✓ Hằng năm, vào những dịp lễ lớn như quốc khánh 02/09, giải phóng miền Nam 30/04, thành lập quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12,... trường em luôn tổ chức những hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Đặc biệt là hoạt động thăm viếng cũng như dọn vệ sinh xung quanh nghĩa trang liệt sĩ tại địa phương. Em ý thức được rằng, đó là cách chúng ta thể hiện tấm lòng tri



Bản thân em thuyết trình tại hội thi Giá trị Văn hoá lịch sử Đồng Nai năm 2017



Tham dự phần thi triển lãm “Nghị quyết đoàn và góc nhìn tuổi 18
ân – báo ân đối với những bậc tiền nhân đi trước; và cũng chính vì thế,
lần nào em cũng đăng ký và cùng vận động những bạn trong lớp tham

gia. Em rất tự hào về việc ấy vì sau mỗi chuyến đi, em luôn cảm thấy kính phục và biết ơn sâu sắc trước sự hi sinh lớn lao, anh dũng của những anh hùng liệt sĩ vô danh. Từ đó khơi dậy trong tâm hồn một tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.

✓ Là một bí thư chi đoàn, trong những giờ sinh hoạt đoàn, sinh hoạt theo chủ đề,...; em thường cố gắng tạo ra những trò chơi sinh hoạt tập thể, những hoạt động vô cùng thú vị để tạo ra không khí vui tươi, thoải mái; từ đó lồng ghép nội dung tuyên truyền về truyền thống cách mạng quý báu suốt mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam nói chung và truyền thống cách mạng của nhân dân vùng đất Đồng Nai hơn 300 năm hình thành và phát triển nói riêng.

✓ Trong năm học 2017 – 2018 vừa qua, với cương vị là bí thư chi đoàn, bản thân em đã đề xuất cũng như cùng các bạn đoàn viên trong lớp đã thực hiện công trình thanh niên năm học mang tên: *Chung tay dọn dẹp vệ sinh khu vực xung quanh và đường dẫn vào Văn miếu Trấn Biên*. Theo nhận xét từ Ban thường vụ Đoàn trường, công trình thanh niên của lớp rất ý nghĩa và đầy thiết thực, đó cũng là cách giáo dục truyền thống yêu nước cho các bạn đoàn viên.



Công trình thanh niên của chi đoàn 10A1 năm học 2017 – 2018

✓ Đến với hội thi năm nay, em xin kính gửi đến ban tổ chức hội thi một sản phẩm truyền thông là một tập san ảnh về Hào khí Đồng Nai (có sản phẩm kèm theo). Tập san là tập hợp những bức ảnh quý giá về những chiến công vang dội của quân và dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống bọn Thực dân và Đế quốc xâm lược. Mục đích của tập san này là giáo dục truyền thống yêu nước đến các bạn học sinh, sinh viên bằng những bức ảnh sinh động. Chúng ta có thể cho in thành nhiều bản, cung cấp cho thư viện mỗi trường,... hoặc thêm vào những cuốn sổ tay Đội viên, sổ tay Đoàn viên để các bạn tiện theo dõi, từ đó giáo dục và khơi dậy truyền thống cách mạng quý báu của quân và dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai chúng ta.

2. Những việc sẽ làm

Trước khi đề ra những việc mình sẽ làm, bản thân em xin gửi những lời cảm ơn chân thành nhất đến các cô chú lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân Dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở khoa học Công nghệ cũng như Ban tổ chức hội thi tìm hiểu Giá trị Văn hoá lịch sử Đồng Nai năm 2018. Có thể khẳng định rằng, thông qua hội thi, bản thân em đã có một cái nhìn khái quát hơn về lịch sử đấu tranh của nhân dân tỉnh nhà trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; từ đó, khơi dậy hơn nữa tinh thần nồng nàn yêu nước vốn sẵn có trong mỗi con người Việt Nam và đang hiện hữu nơi bản thân. Cũng chính vì niềm hạnh phúc, tự hào và vinh dự đó, bản thân em xin phép nêu ra một số việc mình sẽ làm trong thời gian sắp tới để phát huy truyền thống cách mạng của quê hương như sau:

- “Mỗi ngày đến trường là một niềm vui”, với phương châm ấy, bản thân em tự hứa với bản thân mình sẽ cố gắng và cố gắng nhiều hơn nữa trong việc học; thường xuyên trau dồi những kiến thức về văn hoá – lịch sử - xã hội,... Đồng thời, rèn luyện đạo đức, tác phong để xứng đáng với danh hiệu một người Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Thiết nghĩ, nếu em làm được điều này, trước nhất ba mẹ và thầy cô sẽ rất tự hào, yên tâm vì

mình; đồng thời, đó cũng là một đòn bẩy để em tiến xa hơn trên bước đường tương lai đang còn ở phía trước.

- Thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu “*Đâu cần thanh niên có, Đâu khó có thanh niên*”; bản thân sẽ tiếp tục cống hiến bằng cả trái tim, lòng nhiệt huyết và trí tuệ của mình. Tham gia các hoạt động phong trào, các hội thi, các hoạt động tương thân tương ái, đền ơn đáp nghĩa, tri ân – báo ân, ... Bản thân em nhận thức được rằng, những phong trào đó chính là những hành trang quý báu để bản thân bước vào đời.
- Nhận thức rõ vai trò to lớn của công trình thanh niên trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, trong năm học 2018 – 2019 này, em và các bạn đoàn viên trong lớp đang xây dựng và thực hiện công trình thanh niên mang tên “*Thực hiện Webside về những chiến công vang dội của quân và dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ*”. Hiện công trình đang lập kế hoạch và sẽ trình ban thường vụ đoàn trường quyết định. Dự kiến sẽ thực hiện vào cuối học kỳ I năm học này.

3. Một số ý kiến đề xuất:

- Trong những giờ học lịch sử, em thích nhất là những tiết học lịch sử địa phương. Vì thế, em mong muốn rằng những tiết học này sẽ có nhiều hơn nữa trong phân phối chương trình. Trong đó, phải có những tiết kể về Chiến thắng La Ngà (01/3/1948), chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh, mở “*cánh cửa thép*” phía Đông tiến vào giải phóng Sài Gòn (từ ngày 09/4/1975 đến 21/4/1975)...
- Đối với bản thân, muốn yêu thích lịch sử thì phải hiểu nó một cách logic. Để làm được điều đó, em rất mong muốn được có những buổi nói chuyện chuyên đề. Nội dung của những chuyên đề đó là kể về những trận đánh vang dội của quân và dân Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến. Chúng ta có thể mời các nhân chứng lịch sử, các nhân vật lịch sử, đặc biệt là các

nhân chứng sống như: Đ/c Phan Văn Trang – Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, Đ/c Võ Minh Quang – Nguyên Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai, Đ/c Nguyễn Thị Bạch Tuyết – Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai... đến kể lại cho học sinh, sinh viên các vấn đề có liên quan đến các trận đánh trên.

- Giáo dục kỹ năng sống cũng là cách để phát huy truyền thống cách mạng cho mỗi học sinh. Thông qua những tiết học kỹ năng sống, học sinh sẽ có cho mình những bài học quý giá, từ đó trở thành một hành trang quý báu để bước vào đời. Là một học sinh tại một ngôi trường thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; em và những bạn cùng trang lứa rất ước ao có được những tiết học kỹ năng sống do những giáo viên chuyên ngành được đào tạo bài bản về giảng dạy (điều mà hiện nay các bạn cùng trang lứa ở các tỉnh, thành phố khác như Tp. Hồ Chí Minh,.. may mắn có được). Thiết nghĩ, nếu có được những tiết kỹ năng sống bên cạnh những tiết học chính khoá, đó sẽ là một niềm hạnh phúc lớn để em và các bạn có những hành trang sống quý báu bước vào đời.
- Ông bà ta thường dạy “*Tuổi trẻ tài cao*”. Có thể khẳng định rằng, ngày nay sức sáng tạo cũng mỗi bạn học sinh, sinh viên và thanh niên là rất ấn tượng, thú vị cũng như thiết thực. Vì thế, hằng năm chúng ta liên tục tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, thiết kế robo con,... Em đề xuất, trong thời gian sắp tới, chúng ta cần tổ chức cuộc thi “*thiết kế sản phẩm truyền thông nhằm giáo dục truyền thống cách mạng đến các thanh niên, sinh viên, học sinh hiện nay*”. Mục đích của cuộc thi này là tìm ra các giải pháp hữu hiệu, thiết thực nhằm có những phương pháp truyền thông cụ thể, giúp ích cho các cô chú làm công tác giáo dục,... trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh.
- Các trường Tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh cần tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động học tập ở hiện trường nơi diễn ra các trận đánh như: Chiến thắng La Ngà (01/3/1948), đánh tháp canh cầu Bà Kiên

(18/3/1948), chiến thắng Xuân Lộc (21/4/1975), chiến thắng Long Bình (22/6/1966), trận đánh diệt Yếu khu Trảng Bom (21/7/1951), chiến thắng sân bay Biên Hòa (31/10/1964), cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (02/12/1956)... ở các bảo tàng lịch sử địa phương, ở các nhà truyền thống cách mạng.

- Các trường Tiểu học, THCS, THPT và các ban ngành liên quan cần mạnh dạng tổ chức các chương trình văn nghệ gây quỹ vào những ngày lễ lớn như 20/11, 26/3,... Hình thức tổ chức bao gồm những tiết mục do học sinh tự biểu diễn, số tiền bán vé (với mức vé khoảng 10.000 đồng) thu được sẽ thực hiện các hoạt động xây nhà tình thương, tình nghĩa, thăm hỏi gia đình chính sách, có công với cách mạng, thực hiện một số công trình công cộng ở địa phương. Em thiết nghĩ, thông qua hoạt động này, các bạn học sinh cùng lứa sẽ hiểu ơn về đạo lý uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách, tương thân tương ái,... của dân tộc ta; từ đó, khơi dậy trong mỗi người truyền thống yêu quê hương, đất nước từ chính những đạo lý mình trải nghiệm được.
- Giáo dục truyền thống cách mạng thông qua việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ là một điều rất cần thiết. Em có một đề xuất cụ thể như sau: hiện nay trên youtube có rất nhiều video kể chuyện về Bác Hồ rất xúc động của GS. Hoàng Chí Bảo – Nguyên uỷ viên Hội đồng Lý luận trung ương, chuyên gia cao cấp của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – người dành cả cuộc đời mình để nghiên cứu về cuộc đời, tư tưởng và sự nghiệp của Bác. Vì thế, trong những tiết chào cờ, giáo dục ngoài giờ lên lớp; các trường Tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh nhà nên mở những video kể chuyện này để học sinh lắng nghe và trải nghiệm. Do cách kể chuyện của GS rất thú vị, lời cuốn cùng với những câu chuyện rất hay, nên bản thân em tin chắc rằng, sẽ lôi cuốn được rất nhiều học sinh nghe theo, từ đó giáo dục truyền thống cách mạng quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay.

KẾT LUẬN

“...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy...”⁵

Hơn 70 năm qua, lời tuyên bố ấy vẫn còn vang vọng trong trái tim của những con người Việt Nam nói chung vốn có một tinh thần nồng nàn yêu nước, trong đó có những người dân sinh ra và lớn lên ở vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai hơn 300 năm lịch sử, quê hương của em. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, bằng ý chí và quyết tâm sắt đá, quân và dân vùng đất “miền Đông gian lao mà anh dũng” đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, kiên quyết chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để thực hiện quyền tự do và độc lập mà chắc chắn, mỗi con người sinh ra ai ai cũng đều mong muốn. Nhờ vào tinh thần ấy, quân và dân vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai đã làm nên những chiến công “*Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*” đầy hiển hách. Một trận đánh giao thông kinh điển, một trận “Trận Châu cảng” thứ 2 trong lịch sử làm kẻ thù khiếp vía, một chiến dịch Xuân Lộc – đập tan cánh cửa thép cuối cùng... xứng đáng được ghi tên trong những trang sử vàng về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam anh hùng. Và cũng nhờ những chiến công ấy, chúng ta đã làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, Bắc Nam xum họp một nhà, đất nước vui câu toàn thắng. Quả thật:

*Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùi đừng dậy sáng loà!⁶*

Cuối cùng, xin kính cẩn nghiêng mình trước các bậc tiền nhân thuở trước, anh linh các anh hùng liệt sĩ, những đồng bào ta đã vì quốc vong thân, âm thầm

⁵ Trích *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

⁶ Trích bài thơ *Đất Nước* của nhà thơ Nguyễn Đình Thi

lặng hiến dâng cả máu xương của mình để đổi lấy hoà bình, tự do và độc lập cho cả dân tộc. Chúng ta có quyền tự hào về một dân tộc Việt Nam anh hùng, một *hào khí Đồng Nai* đời đời bất khuất... Xin mượn mấy dòng thơ trong bài thơ “*Đất nước*” của nhà thơ Nguyễn Đình Thi để kết thúc bài thi này:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước của những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về./.*



PHỤ LỤC
NHỮNG ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG
VÙNG ĐẤT BIÊN HOÀ – ĐỒNG NAI ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG
ANH HÙNG TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN ÁC LIỆT

1. Lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa – Long Khánh (cũ)
2. Lực lượng vũ trang huyện Châu Đức (cũ)
3. Lực lượng vũ trang huyện Long Đất
4. Tiểu đoàn 445 Bà Rịa – Long Khánh.
5. Đội biệt động thị xã Long Khánh
6. Đại đội 34 huyện Châu Đức
7. Đội du kích xã Bình Lộc, Xuân Lộc.
8. Đại đội du kích xã Bảo Vinh, Xuân Lộc
9. Đội du kích xã Hưng Lộc, Thống Nhất
10. Đội du kích xã Thiện Tân, Vĩnh Cửu
11. Đội du kích xã Phước Hòa Long, Long Đất
12. Đội du kích xã Hội Mỹ, Long Đất
13. Đội du kích Cao Su xã Bình Sơn, Long Thành
14. Đội du kích xã Tam An, Long Thành.
15. Đội du kích xã Phú Hội, Long Thành
16. Đội du kích xã Phước An, Long Thành
17. Bệnh xá K20 Phân khu 4
18. Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh

**NHỮNG CÁ NHÂN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG
ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN**

1. Liệt sĩ Võ Thị Sáu
2. Liệt sĩ Điều Cải
3. Liệt sĩ Lê A
4. Liệt sĩ Phạm Văn Nuôi
5. Liệt sĩ Hồ Thị Hương
6. Nguyễn Thanh Tùng
7. Nguyễn Văn Quang
8. Nguyễn Quyết Chiến
9. Trần Văn Chín
10. Lê Duy Chín
11. Nguyễn Văn Huệ
12. Tống Viết Dương
13. Liệt sĩ Nguyễn Thanh Đăng

NHỮNG HY SINH VÀ TỔN THẤT TRONG HAI CUỘC CHIẾN TRANH

- Liệt sĩ: 9.994 người
- Gia đình liệt sĩ: 7.080 người
- Gia đình có 1 con độc nhất hy sinh: 92 gia đình
- Gia đình có 1 con liệt sĩ: 6.138 gia đình
- Gia đình có 2 con liệt sĩ: 711 gia đình
- Gia đình có 3 con liệt sĩ: 110 gia đình
- Gia đình có 4 con liệt sĩ: 25 gia đình
- Gia đình có 5 con liệt sĩ: 3 gia đình
- Gia đình có 6 con liệt sĩ: 3 gia đình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (chủ biên) (1986). *Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 – 1975) sơ thảo*, NXB Đồng Nai.
2. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai (chủ biên). *Những trận đánh điển hình trong chiến tranh giải phóng (1945 – 1975) tập 1*, NXB Đồng Nai.
3. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai (1998). *Biên Hoà – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai.
4. Ban tuyên giáo tỉnh Đồng Nai. *Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 60 năm cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (02/12/1956 – 02/12/2016)*.
5. Ban tuyên giáo tỉnh Đồng Nai. *Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống LLVT Đồng Nai (15/05/1946 – 15/05/2016)*.
6. Bộ giáo dục và đào tạo. *Lịch sử 12*, NXB Giáo dục Việt Nam.

